



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN
SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY



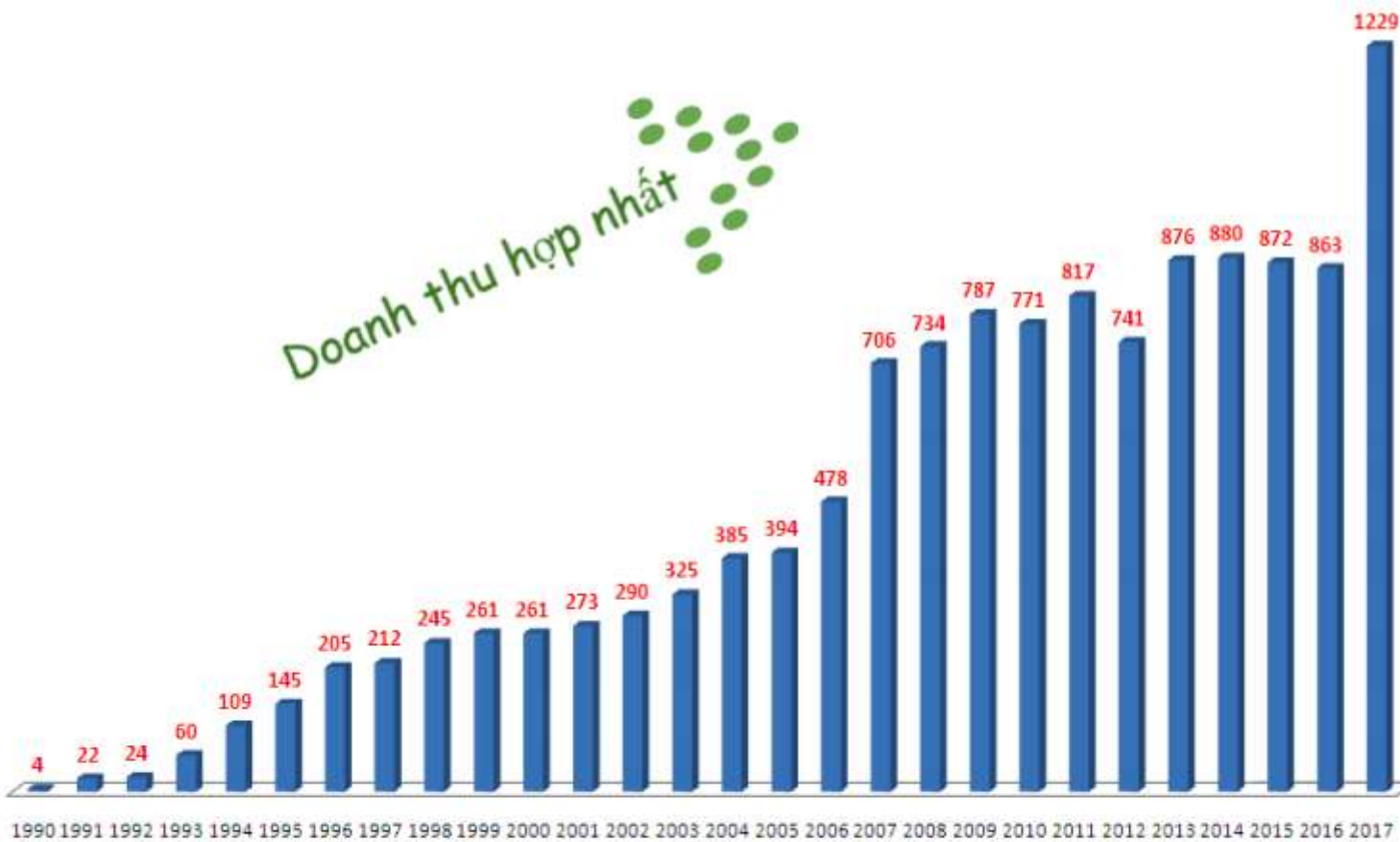
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017





SPC Xanh, Thêm Xanh

Doanh thu hợp nhất



NỘI DUNG



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin khái quát	07
Lịch sử hình thành và phát triển	09
Phạm vi và mạng lưới	11
Cơ cấu sản phẩm	13
Tầm nhìn, sứ mạng; Mục tiêu, chiến lược	15
Phân tích SWOT	19



TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ CỔ ĐÔNG

Cơ cấu quản trị	23
Thành viên Hội đồng quản trị	25
Thành viên Ban kiểm soát	27
Ban Giám đốc, kế toán trưởng	29
Nhân sự	31
Cổ đông	35



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	39
Báo cáo của Ban Điều Hành	49
Báo cáo của Ban Kiểm Soát	57



BÁO CÁO TỔNG KẾT NK 2013 - 2017

Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	71
Báo cáo của Ban Kiểm Soát	79



BAO CAO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Hội đồng quản trị	86
Báo cáo Kiểm toán độc lập	88
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	89
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	93
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	94
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	96

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Khái quát; Ngành nghề; Quá trình hình thành và phát triển; Mạng lưới; Sản phẩm; Tâm nhìn, sứ mạng; Mục tiêu, chiến lược



Xí nghiệp Sản xuất thuốc Bảo vệ thực vật Sài Gòn
ở KCN Hiệp Phước



Thông tin khái quát

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300632232 do Sở KHĐTTP.HCM cấp đăng ký lần đầu ngày 14/06/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 21/05/2015

Vốn điều lệ: 105.300.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 105.300.000.000 đồng

Địa chỉ: KP.1, Nguyễn Văn Quý, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Số điện thoại: 028.38733666

Số fax: 028.38733391 - 028.38733033

Website: www.spchcmc.vn

Mã cổ phiếu : SPC



2017



Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất, gia công, mua bán, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật

Sản xuất, gia công, mua bán phân bón, giống cây trồng

Kinh doanh thuốc thú y

Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính chất độc hại mạnh)

Dịch vụ tư vấn về trồng trọt

Dịch vụ xông hơi khử trùng

Dịch vụ xử lý chất thải, phân tích mẫu hóa chất

Đầu tư nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp và kỹ thuật phát triển máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp



29 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



NHỮNG GHI NHẬN

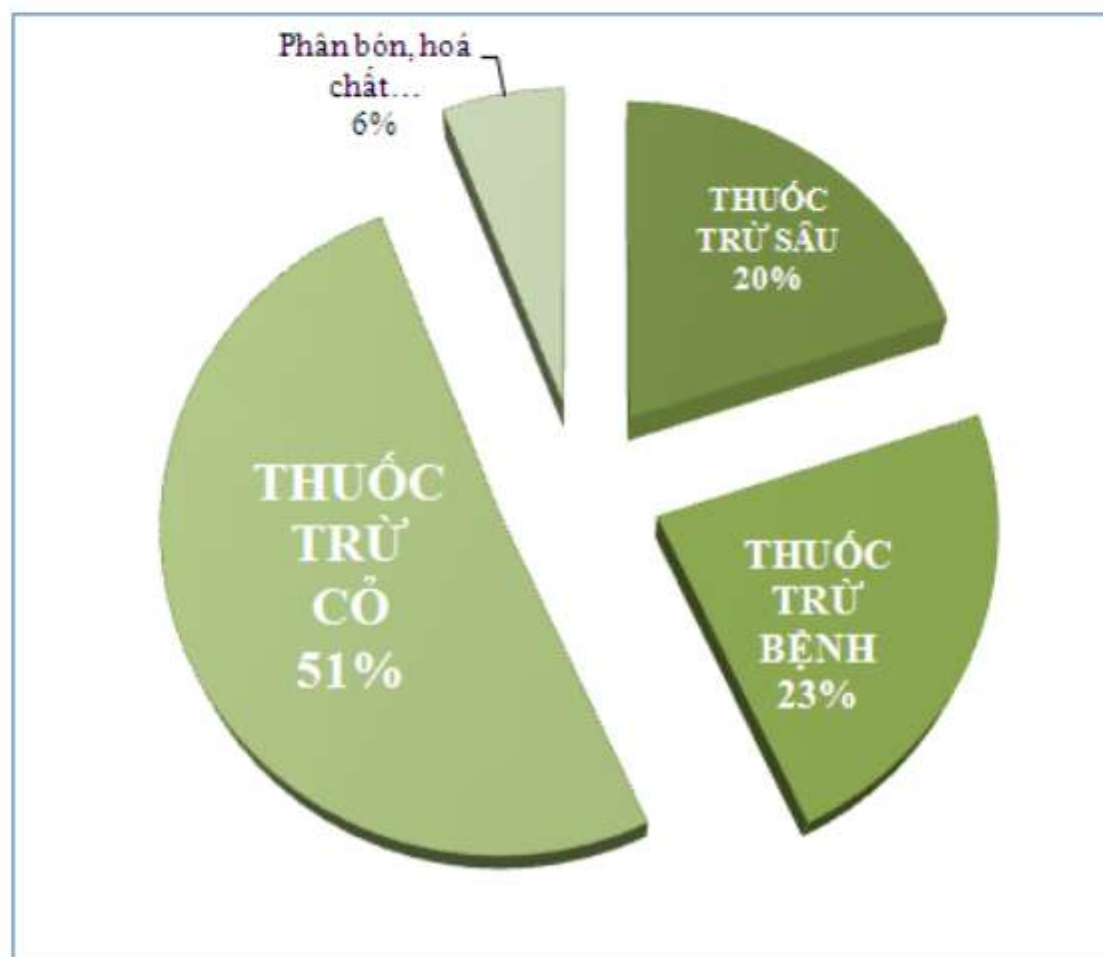
- Huân chương Lao động hạng II của Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam ngày 11/02/2004 về "thành tích xuất sắc trong công tác từ 1998 - 2002 góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- Huân chương Lao động hạng III của Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam ngày 12/8/1997 về "Thành tích xuất sắc trong công tác từ 1992 - 1996 góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- Bằng khen, cờ thi đua của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh liên tục từ năm 1993 - 2007.
- Biểu trưng "SPC" liên tục được bình chọn Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao từ năm 2005 đến nay.
- Chứng nhận của tổ chức Quacert và BVQI công nhận đạt hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001: 2008 và ISO IEC 17025 từ năm 2001 cho đến nay.
- Chứng nhận ISO 14001

SPC được thành lập từ năm 1989, với 30 cán bộ công nhân viên sản xuất kinh doanh 03 sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật chủ yếu được tiêu thụ tại Tp.Hồ Chí Minh. Đến nay, SPC đã hơn 500 cán bộ công nhân viên với hơn 80 sản phẩm thuốc BVTV và có hệ thống phân phối và dịch vụ rộng khắp trên cả nước với 15 Chi nhánh, 01 Trạm dịch vụ và gần 1000 đại lý; 01 Siêu thị Nông nghiệp; 01 Xí nghiệp sản xuất thuốc BVTV tại Tp.Hồ Chí Minh; và một số cửa hàng giới thiệu sản phẩm, văn phòng đại diện.

Bên cạnh thị trường Việt Nam, SPC còn có hoạt động tại các nước như: Lào, Myanma và Campuchia. Năm 2017 thị trường Myanmar bắt đầu phát triển doanh số, thị trường Campuchia doanh số tăng gần 23% so với năm 2016.



CƠ CẤU SẢN PHẨM CỐT LÕI NĂM 2017



Thuốc trừ bệnh:

Là nhóm sản phẩm phụ thuộc vào tình hình thời tiết nhất, theo đó doanh số cũng chuyển biến theo tình hình dịch bệnh trong năm. Trong năm 2017, doanh số nhóm thuốc trừ bệnh chỉ chiếm khoảng 23% tổng doanh số SPC



Thuốc trừ cỏ: do thị trường thuốc trừ cỏ tương đối ổn định, ít phụ thuộc vào yếu tố thời tiết nên cũng như một số công ty khác trong ngành thì nhóm thuốc trừ cỏ của SPC chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản phẩm của Công ty với 51%.

Thuốc trừ cỏ lúa



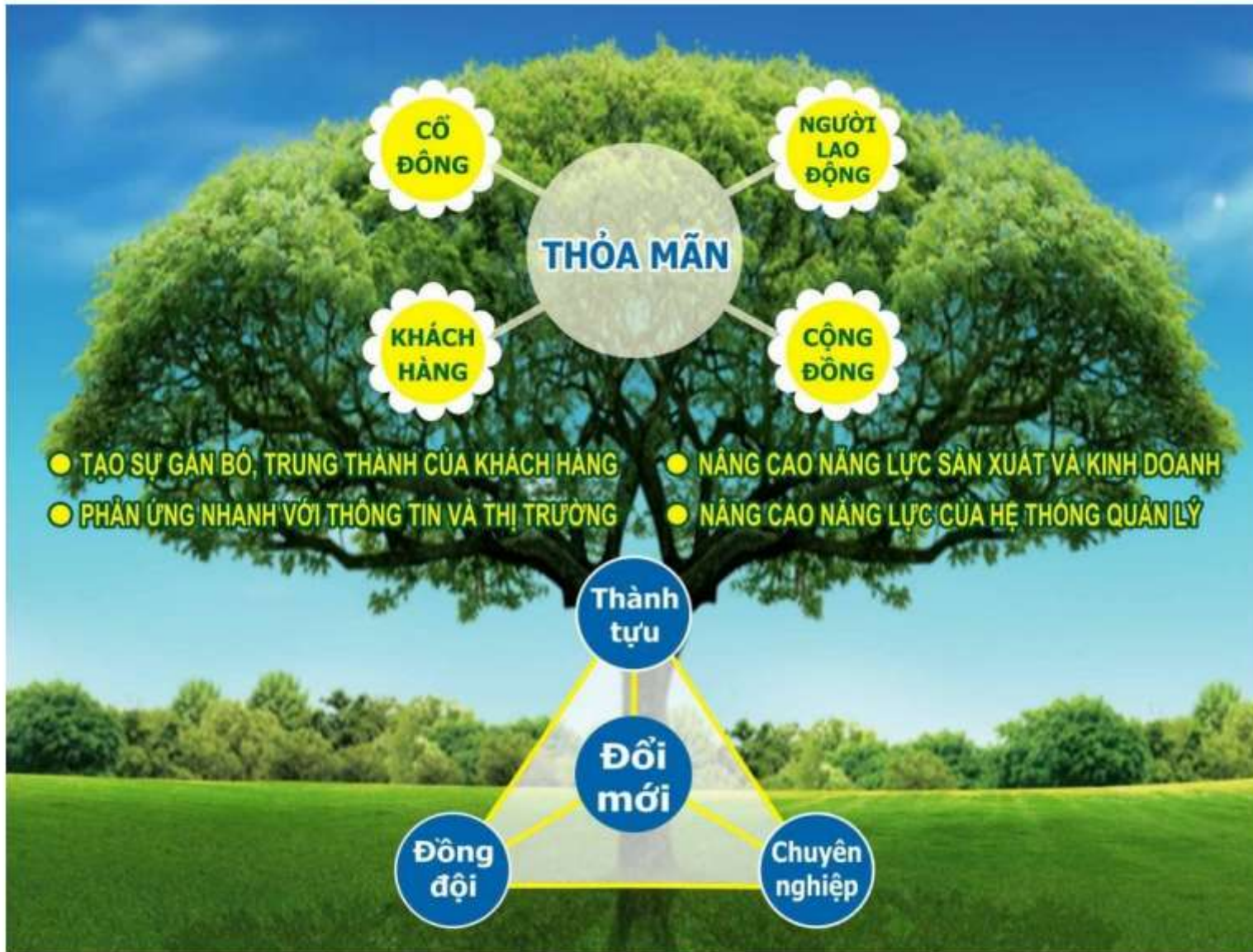
Thuốc trừ cỏ cạn



Thuốc trừ sâu: không như nhóm thuốc cỏ, nhóm sản phẩm thuốc trừ sâu này phụ thuộc khá nhiều vào tình hình thời tiết, doanh số nhóm thuốc trừ sâu chiếm khoảng 20% tổng doanh số của công ty trong năm 2017



VĂN HÓA CÔNG TY



TẦM NHÌN

Trở thành Công ty dịch vụ nông nghiệp nhiệt đới hàng đầu - Nơi tiên phong ứng dụng các phát minh và công nghệ mới.

SỨ MẠNG

Cung cấp những sản phẩm, dịch vụ chất lượng thỏa mãn ước vọng vì một nền nông nghiệp xanh và bền vững.

Thành tựu

Sự thỏa mãn khách hàng, người lao động, cộng đồng, và các cổ đông là cơ sở của việc đánh giá những thành tựu của chúng tôi.

Chúng tôi luôn biết trân trọng những thành tựu của mình và niềm vinh dự, tự hào của chúng tôi đến từ những thành tựu của chúng tôi. Thông qua những thành tựu, chúng tôi được nhận biết, được tôn trọng bởi các đối tác, bởi cộng đồng, và các cổ đông.

Những thành tựu mà chúng tôi đạt được mang lại những lợi ích thỏa đáng cho khách hàng của chúng tôi, các cổ đông của chúng tôi, những người lao động của chúng tôi, và cộng đồng ở những nơi chúng tôi sống và làm việc.

Đồng đội

Làm việc đồng đội là cách thức để chúng tôi thỏa mãn tốt các nhu cầu và mong đợi của khách hàng của chúng tôi.

Chúng tôi làm việc đồng đội trong từng đơn vị, giữa các đơn vị, với các đối tác bên ngoài, và với khách hàng của chúng tôi để thực hiện với chất lượng cao nhất những cam kết của chúng tôi.

Không có người chiến thắng trong đội thất bại, và cũng sẽ không có người thất bại trong đội thành công.

Chúng tôi là một gia đình lớn trong đó các thành viên tin cậy, tôn trọng, và chăm sóc lẫn nhau.

Chúng tôi nuôi dưỡng những ước mơ, khát vọng, và những đam mê về một nền nông nghiệp xanh và bền vững, và những giá trị gia tăng ngày càng cao cho những khách hàng của chúng tôi.

Học tập và phát triển là phong cách sống của mỗi thành viên và toàn bộ tổ chức. Mỗi người chúng tôi thường xuyên học tập và phát triển để hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng, và những đam mê của chúng tôi.

Thông qua học tập, nghiên cứu, và phát triển, chúng tôi định hướng hành động vào việc liên tục hoàn thiện việc thực hiện của mình để tạo ra sự phát triển bền vững cho công ty.

Chuyên nghiệp

Chuyên nghiệp thể hiện ở chất lượng công việc cao. Tính chuyên nghiệp đòi hỏi trách nhiệm cá nhân, sự dẫn thân, và những phương pháp làm việc hiệu quả.

Chúng tôi luôn tận tâm cao với công việc và với đồng sự với một ý chí vượt qua mọi thách thức. Hành động của mỗi người chúng tôi luôn thể hiện các tiêu chuẩn nghề nghiệp cao.

Chúng tôi chịu trách nhiệm với những kết quả làm việc của mình. Chúng tôi luôn kiên trì và làm việc hết mình để thực hiện tốt những cam kết nhằm thỏa mãn những nhu cầu và mong muốn của khách hàng.

Chúng tôi mở rộng tự chủ để đảm bảo sử dụng các nguồn lực với hiệu suất cao nhất cho việc thực hiện tốt các công việc và những cam kết với khách hàng. Các thành viên trong toàn công ty được trao quyền để tự do làm những điều đúng.

Đổi mới

Liên tục hoàn thiện, phát triển, và đổi mới là cách thức để chúng tôi hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng, và đam mê của mình. Chúng tôi luôn cố gắng học tập, nghiên cứu, và phát triển để có chất lượng công việc cao hơn và thỏa mãn tốt hơn các nhu cầu và mong đợi của khách hàng.

MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC

1. Tạo sự gắn bó, trung thành của khách hàng

- Duy trì và thâm thấu sâu vào thị trường hiện tại: tạo ra sự thỏa mãn và sự trung thành của khách hàng với Công ty
- Sử dụng danh tiếng và sức mạnh của hệ thống hiện tại mở rộng sang những thị trường mới
- Phát triển các chiến lược phát triển Thị trường-Sản phẩm phù hợp với từng thị trường trong từng giai đoạn

2. Phản ứng nhanh với thông tin và thị trường

- Phát triển hệ thống hoạch định, dự báo và thông tin thị trường, cạnh tranh: về sản xuất, sản phẩm, nguyên vật liệu, và khách hàng
- Theo dõi chặt chẽ những biến động của môi trường kinh doanh

3. Nâng cao năng lực sản xuất và kinh doanh

- Đầu tư trang thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất
- Phát triển ứng dụng các sản phẩm của công ty trên cơ sở khai thác những khả năng quan hệ hợp tác với các đối tác để chuyển giao công nghệ
- Phát huy tối đa hiệu quả của việc sử dụng nguồn lực cho các nhu cầu phát triển
- Xây dựng và phát triển các liên minh chiến lược cho sự phát triển bền vững và cùng có lợi

4. Nâng cao năng lực của hệ thống quản lý

- Phát huy tính năng động sáng tạo của toàn thể hệ thống
- Xây dựng cơ chế hợp tác và phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị và các cá nhân
- Xây dựng hệ thống mở, huy động tốt nguồn lực trong công ty và xã hội
- Tối đa hóa việc sử dụng các nguồn lực sẵn có của công ty và khai thác có hiệu quả các nguồn vốn trong xã hội cho sự phát triển của công ty
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

ĐỐI TÁC CỦA SPC



Schirm GmbH
Đức

Nongfeng Agrochem

NITROKÉMIA
Hungary

Mitsu Industries
Ấn Độ

UPL Ấn Độ

 CÔNG TY TNHH PHÂN BÓN HÀN - VIỆT
Hàn Quốc

 **INDOFIL**
INDUSTRIES LIMITED Ấn Độ

 **HANYU ENERGY CO., LTD.**
Hàn Quốc

 **Haifa Chemicals**
Haifa Israel

EASTCHEM

 **Daymsa**
Tây Ban Nha

 **ITOCHU**

 **Citul**
Ấn Độ

ASIM PRODUCTS
Ấn Độ

 **AGRIA S.A.**
Bulgaria

あしたのもと
AJINOMOTO®

 **ROTAM**

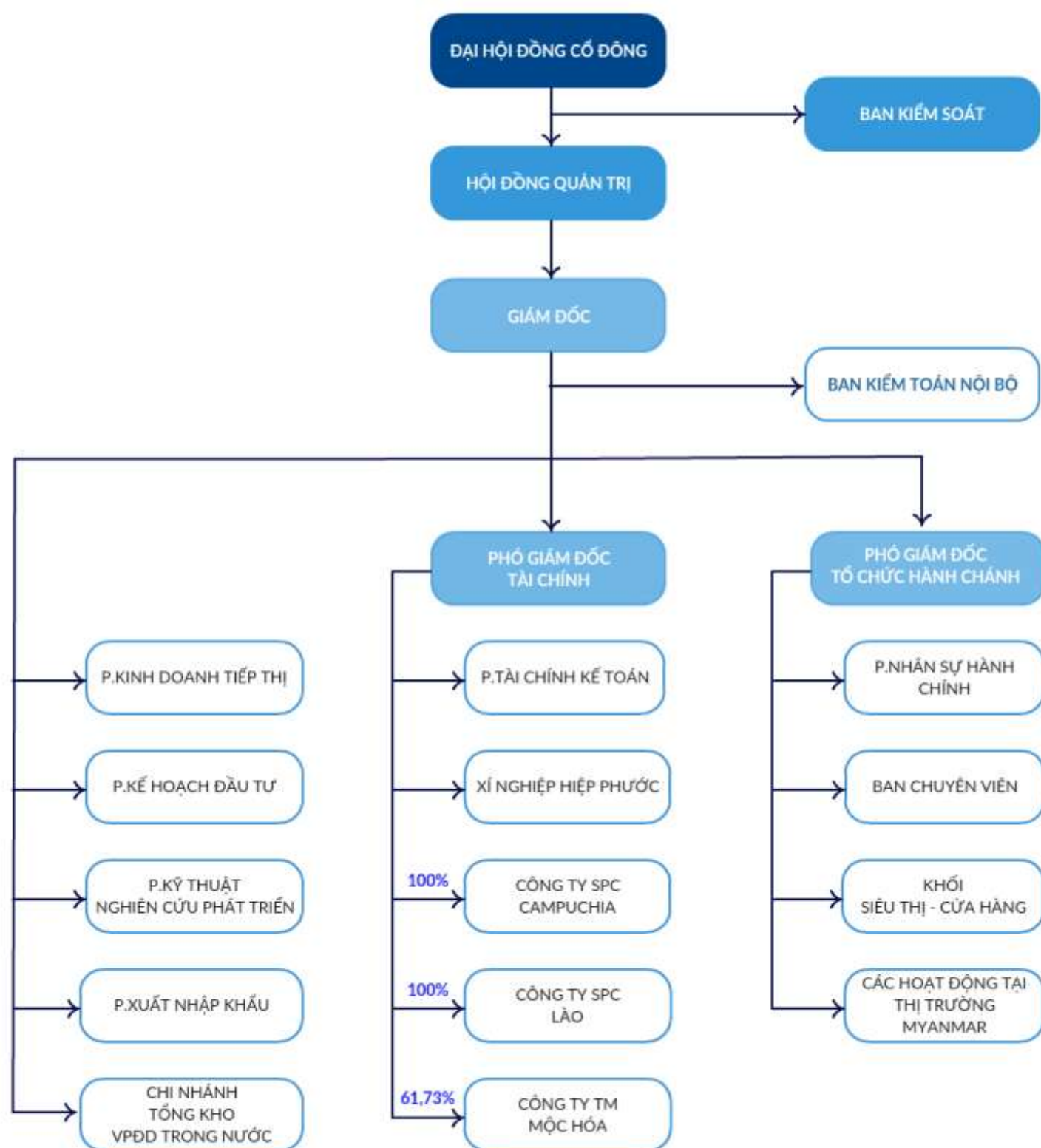
PHÂN TÍCH SWOT



TỔ CHỨC
VÀ NHÂN
SỰ
CƠ ĐÔNG



CƠ CẤU QUẢN TRỊ



Công ty con, liên kết	Địa chỉ	HDKD chính	VDL thực góp
Công ty TNHH BVTV Sài Gòn - Lào	Km 8 street 13, Ban Phatthanahoase, Bachieng District, ChamPaSak Province, Lao PRD	Kinh doanh ngành nông nghiệp	19.332.237.752 đ
CTCP BVTV Sài Gòn - Cambodia	225GB, St.Vithyalay, Sk. Chrouy Changwa, Kh. Russeykeo, Phnom Penh.	Kinh doanh ngành nông nghiệp	1.895.355.000 đ
CTCP Thương mại Mộc Hóa	96 Trần Hưng Đạo, KP1, P1, thị xã Kiến Tường, Long An	Kinh doanh ngành nông nghiệp	9.856.800.000 đ



Văn phòng SPC

KP1, Nguyễn Văn Quỳ, P.Tân Thuận Đông, Q.7, TP.HCM

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÀ LÊ THỊ PHƯỢNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, Cao cấp chính trị.

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: chủ tịch HĐQT SPC

Quá trình công tác:

- 1988-1989: Kế toán XNQD Nhựa Cao su Việt Hưng
- 1/1990-6/1990: Kế toán HTX May Hoàng Thịnh
- 8/1990-3/1994: Kế toán tổng hợp Cty Sài Gòn Lao động
- 4/1995-3/1999: NV văn thư vi tính văn phòng cơ quan LĐLĐ.TP
- 1/1995-3/1999: Kế toán tổng hợp Ban tài chính – Kinh tế LĐLĐ.TP
- 3/1999-9/2004: Kế toán trưởng Ban tài chính – Kinh tế LĐLĐ.TP
- 9/2004-10/2010: Phó ban tài chính – kiêm kế toán trưởng LĐLĐ.TP
- 11/2010-10/2014: UV Ban thường vụ -Trưởng Ban Tài chính LĐLĐ.TP
- 11/2014-01/2017: Phụ trách chung Kiểm soát viên Sagri
- Từ 08/02/2017: Thành viên HĐQT SPC
- Chủ tịch HĐQT SPC từ 20/02/2017

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG NGUYỄN QUỐC DŨNG
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh – Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – Tiến sĩ Quản trị kinh doanh, Luật sư thuộc đoàn Luật sư TP.HCM, Cao cấp chính trị.

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.190

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên HĐQT, Giám đốc SPC

Quá trình công tác:

- 1993 – 2000: NV Kinh doanh Xi nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2001 - 2003: Phó, quyền trưởng Trạm Dịch vụ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2003-2004: Phó Phòng Marketing Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2004- 2005: Phó Phòng Marketing Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.
- 2005- 2007: Phó Phòng KD Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn
- 2007-6/2008: Phó P.KHKD Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.
- 6/2008-10/2008: Phó P. KHKD SPC.
- 10/2008 - 08/2009: Trưởng Phòng KH KD CTCP BVTV Sài Gòn.
- 09/2009-04/2015:PGĐ KD SPC.
- 04/2015 đến nay:Thành viên HĐQT, Giám đốc SPC

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ NGUYỄN THỊ THỦY
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên HĐQT SPC, Kế toán trưởng TCT Nông Nghiệp Sài Gòn

Quá trình công tác:

- 1990 - 1993: Kế Toán XN SX quá bông bàn, Công ty XNK hàng công nghiệp.
- 1994 - 1997: Kế toán Trường TNHH Hoa Danh, Liên doanh Việt Lãng.
- 1998 - 2000: CV Kế toán Thương xá Tax thuộc TCT TM Sài Gòn
- 2001 - 2007: Phó phòng Kế toán Siêu thị Sài Gòn thuộc TCT TM Sài Gòn
- 2007 - 2008: Cửa hàng Phó Siêu thị Sài Gòn thuộc TCT TM Sài Gòn
- 2008 - 2011: Cửa hàng Trưởng Siêu thị Bàu Cát, Siêu thị Sài Gòn
- 2011 - 2014: Phó Giám Đốc Siêu thị Sài Gòn thuộc TCT TM Sài Gòn
- 2014 - 2015: Phó Giám Đốc Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải thuộc TCT TM Sài Gòn
- Từ 2015: Kế toán trưởng Sagri
- Từ 24/4/2015: Thành viên Hội đồng quản trị SPC

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG ĐẶNG THANH CƯỜNG
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông nghiệp, Cao cấp chính trị

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên HĐQT SPC

Quá trình công tác:

- Từ năm 1979 đến 1985 : CV Trung tâm BVTV phía nam Tiền Giang.
- 1985 – 2015: công tác tại Công ty cổ phần Nông dược H.A.I.
- Từ 26/04/2013: thành viên HĐQT CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG NGUYỄN NHẬT THÔNG
THÀNH VIÊN HĐQT

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 22.100

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên HĐQT SPC

Quá trình công tác:

- Năm 1986:bắt đầu kinh doanh cửa hàng vật tư nông nghiệp tại gia.
- Năm 2007: phát triển hộ kinh doanh nhỏ lẻ ban đầu thành hộ kinh doanh Nhật thông cho đến hiện nay.
- Từ 08/4/2017: Thành viên HĐQT SPC.

Quốc tịch: Việt Nam

BAN KIỂM SOÁT



ÔNG TRẦN ĐÌNH VŨ
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn : Kế toán doanh nghiệp, chứng chỉ kế toán trưởng

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 100

Chức vụ đảm nhiệm: Trưởng Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác :

- 07/2007-03/2009: Kế toán kho Công ty TNHH Khang Cát
- 04/2009: Kế toán CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
- 05/2009-08/2014: Kế toán trưởng SPC Lào
- 09/2014-12/2014: Kế toán công nợ SPC
- 01/2015-01/2016: Phụ trách kế toán Xi nghiệp BVTV Sài Gòn ở KCN Hiệp Phước
- Thành viên Ban kiểm soát SPC từ ngày 09/11/2015
- Từ 27/01/2016: Trưởng Ban kiểm soát SPC

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ LƯƠNG THANH HUYỀN
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: TV Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác

- 1991 - 1994 NV Kế toán Công ty Dệt Đông Á
- 1995 - 2008: Kế toán trưởng CTCP Artek, Sài Gòn CTT, Viện cơ học ứng dụng
- 2008 - 6/2014: Phó phòng Kế toán CTCP Savimex
- 7/2014 - 5/2015: Phó trưởng phòng KTTC Công ty Cofidec
- 6/2015 đến nay: Phó trưởng phòng Tổng công ty Nông Nghiệp Sài Gòn
- Từ 08/4/2016: Thành viên Ban kiểm soát SPC

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ MAI THỊ LỆ KHUYỀN
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.600

Chức vụ đảm nhiệm: TV Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác

- 1986-1989 : NV Kế toán Thống kê Công ty Xây dựng Thủy điện Trị An
- 1989-1991 : NV Kế toán Công ty Thủy sản KV3
- 1992-1995 : NV hành chính Công ty Vật phẩm Văn hóa TP.HCM
- 1996-9/2004 : NV Thủ kho, Thủ quỹ, Kế toán Công ty Vật phẩm Văn hóa TP.HCM
- 10/2004 - 2008 : NV Tổng hợp - Tài chính, Phòng Quảng bá, Công ty TNHH Một thành viên Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
- 2008 - 2009 : Nhân viên Tổng hợp - Tài chính Phòng Marketing SPC
- Từ Tháng 10/2009 đến Tháng 7/2012: Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ SPC
- Từ Tháng 4/2010 đến Tháng 4/2015: Thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa
- Từ Tháng 6/2008 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát SPC

Quốc tịch: Việt Nam

BAN GIÁM ĐỐC



ÔNG NGUYỄN QUỐC DŨNG
GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh – Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – Tiến sĩ Quản trị kinh doanh, Luật sư thuộc đoàn Luật sư TP.HCM, Cao cấp chính trị.

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.190

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên HĐQT, Giám đốc SPC

Quá trình công tác:

- 1993 – 2000: NV Kinh doanh Xi nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2001 - 2002: Phó Trưởng Trạm Dịch vụ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2002 - 2003: Quyền trưởng Trạm Dịch vụ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2003 - 2004: Phó Phòng Marketing Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2004 - 2005: Phó Phòng Marketing Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.
- 2005 - 2007: Phó Phòng KD Công ty TNHH Một thành viên BVTV Sài Gòn
- 2007 - 06/2008: Phó Phòng KH- KD Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.
- 06/2008 – 10/2008: Phó Phòng KH - KD CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.
- 10/2008 - 08/2009: Trưởng Phòng KH- KD CTCP BVTV Sài Gòn.
- 09/2009 – 04/2015: Phó Giám đốc KD trong nước CTCP BVTV Sài Gòn.
- 04/2015 đến nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG ĐIỀU QUANG TRUNG
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.610

Chức vụ đảm nhiệm: Phó Giám đốc SPC

Quá trình công tác:

- 2000 – 2003 Kế toán Tổng hợp tại Công ty CP Thủy Tinh Gò Vấp.
- 2003 – 2004 Phó phòng Tư vấn & Triển Khai Công ty Diginet.
- 2004 – 2007 Kế toán Tổng hợp Công ty SPC.
- 2007 – 2008 Phó phòng Kế toán Công ty SPC.
- 2008 – 2009 Trưởng bộ phận Kế toán Công ty SPC.
- 2009 – 2011 Phụ trách phòng TCKT kiêm Kế toán trưởng Công ty SPC.
- 2011 - 04/2015 Trưởng phòng TCKT kiêm Kế toán trưởng Công ty SPC.
- Từ 04/2015: Phó Giám đốc Công ty SPC.

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ NGUYỄN NGỌC BÍCH
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế QTKD

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: Phó Giám đốc SPC, phụ trách NSHC

Quá trình công tác:

- 1987 – 1994: Nhân viên LĐTL, Cty XNK Nông Lâm Hải Sản
- 1994 – 2008: Phó Phòng TCLĐTL, Cty XNK Nông Lâm Hải Sản
- 2009 – 2011: Trưởng Phòng TCLĐTL, Cty TNHH MTV XNK Nông Lâm Hải Sản.
- 2011 – 12/2013: Trưởng Phòng Kinh Doanh Dịch Vụ, Cty TNHH MTV XNK Nông Lâm Hải Sản.
- 12/2013 đến nay: Phó Giám Đốc Công ty Cổ Phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn phụ trách Nhân sự hành chính.

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ BÙI THỊ ÁNH TUYẾT
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trình độ chuyên môn: cử nhân Tài chính kế toán

Cổ phiếu sở hữu cá nhân 16.500

Chức vụ đảm nhiệm: Kế toán trưởng SPC

Quá trình công tác:

- 01/2000-06/2001: thư ký P.Kinh doanh công ty TNHH Khải Nguyên
- 07/2001-10/2001: NV tổng hợp sản xuất CTCP BVTV Sài Gòn
- 11/2001-07/2004: NV kế toán phải thu CTCP BVTV Sài Gòn
- 08/2004-06/2007: NV kế toán thanh toán CTCP BVTV Sài Gòn
- 07/2007-06/2009: Kế toán trưởng Xi nghiệp BVTV Sài Gòn ở KCN Hiệp Phước
- 07/2009-10/2011: Trưởng bộ phận kế toán CTCP BVTV Sài Gòn
- 11/2011-05/2015: Phó phòng TCKT, CTCP BVTV Sài Gòn
- Từ 06/2015: Trưởng phòng TCKT, CTCP BVTV Sài Gòn.

Quốc tịch: Việt Nam

Chế độ làm việc

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: thời gian làm việc 07 giờ 30 phút /ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ tết, ốm, thai sản tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động.

Chính sách đào tạo

Liên tục hoàn thiện, phát triển và đổi mới là cách thức để SPC hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng và đam mê của mình. Do đó, CBCNV của SPC luôn cố gắng học tập, nghiên cứu và phát triển để có chất lượng công việc cao hơn và thỏa mãn tốt hơn các nhu cầu và mong đợi của khách hàng. Học tập và phát triển là phong cách sống của mỗi thành viên và toàn bộ tổ chức. Thông qua học tập, nghiên cứu và phát triển chúng tôi định hướng hành động vào việc liên tục hoàn thiện việc thực hiện của mình để tạo ra sự phát triển bền vững cho công ty.

Do đó, đào tạo để phát triển là một chính sách rất được coi trọng tại SPC. Công ty coi đào tạo là phương thức hỗ trợ quá trình phát triển nghề nghiệp cho nhân viên. Do đó, mọi thành viên đều được khuyến khích nâng cao trình độ và kiến thức, dù bằng hình thức tham gia các khoá học của Công ty tổ chức hay qua các lớp bên ngoài. Đào tạo tại chỗ chiếm một vai trò quan trọng và cũng được tập trung đặc biệt. Phần lớn thành viên mới gia nhập Công ty đều được đào tạo theo phương thức một kèm một. Khi cần thiết, chúng tôi tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội tham khảo kinh nghiệm nước ngoài để trau dồi, cập nhật kiến thức.

Chính sách tiền lương, thưởng

Chính sách tiền lương, thù lao, phụ cấp của SPC được xây dựng với mục tiêu: công bằng, nâng cao hiệu quả làm việc và tăng cường sự gắn bó lâu dài của các thành viên. Mức lương và phụ cấp của SPC rất cạnh tranh trong ngành BVTV và nằm trong nhóm những doanh nghiệp sản xuất thuốc BVTV hàng đầu Việt Nam. Lương và phụ cấp được trả trên căn cứ vào vị trí công việc (mỗi vị trí đòi hỏi mức độ kiến thức, kỹ năng, độ thách thức cũng như trách nhiệm khác nhau), hiệu quả làm việc và thâm niên làm việc của nhân viên. Tất cả vị trí công việc đều được phân tích, đánh giá, chấm điểm chi tiết và xếp vào một hệ thống nhất trong toàn Công ty. Hàng năm, mức cạnh tranh của mặt bằng lương cũng như thu nhập cho từng vị trí công việc đều được công ty sự đánh giá, xem xét và điều chỉnh phù hợp.

NHÂN SỰ

Đến ngày 31/12/2017, tổng số lao động của công ty là 513 người với cơ cấu lao động như sau:

Yếu tố	
Số lượng nhân viên, công nhân	513 người
Theo trình độ chuyên môn	
Tiến sỹ	03 người
Cao học, Thạc sỹ	06 người
Đại học, Cao đẳng	232 người
Trung học chuyên nghiệp	26 người
Lao động phổ thông + LĐ có tay nghề	246 người



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

“Những thành tựu mà chúng tôi đạt được mang lại những lợi ích thỏa đáng cho khách hàng của chúng tôi, các cổ đông của chúng tôi, những người lao động của chúng tôi, và cộng đồng ở những nơi chúng tôi sống và làm việc.”



01 Nguyên liệu, năng lượng

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: 13.862.294kg
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: 0.267% (tương ứng 37.032kg)
- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 892.342kWh



01 Kéo co kỉ niệm 10 năm Xí nghiệp Hiệp Phước.



02 Du lịch Gáo Giông mừng ngày Quốc tế Phụ nữ.



03 Giải đặc biệt quay số may mắn.



04 Lớp tập huấn Bác sĩ cây trồng.



02 Nguồn nước

- Nguồn cung cấp: Công ty CP KCN Hiệp Phước
- Lượng sử dụng nước: 13.985m³
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có
- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có



05 Hội chợ SPC nông sản Việt - Lào.



06 Bóng đá kỉ niệm 10 năm Xí nghiệp Hiệp Phước.



07 Diễn tập PCCC.



08 Mừng sinh nhật CBNV.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Chi tiết cơ cấu cổ đông tính tới ngày 18/12/2017

Danh mục	TRONG NƯỚC		NƯỚC NGOÀI		TỔNG	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
1. Cổ đông Nhà nước	6.247.020	59,33%	0	0%	6.247.020	59,33%
2. Cổ đông khác	3.525.350	33,48%	757.630	7,19%	4.282.980	40,67%
- Cá nhân	3.136.950	29,79%	757.630	7,19%	3.894.580	36,98%
- Tổ chức	388.400	3,69%	0	0%	388.400	3,69%
Tổng	9.772.370	92,81%	757.630	7,19%	10.530.000	100%



NĂM 2017

+ **42%**

DOANH THU

Doanh thu thuần đạt 1.229 tỉ đồng, tăng 42% so với năm 2016 và hoàn thành 129% kế hoạch.

+ **18%**

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Năm 2017 đạt 50,6 tỉ đồng, tăng 18% so với năm 2016, hoàn thành 116% kế hoạch.

+ **02%**

CỔ TỨC

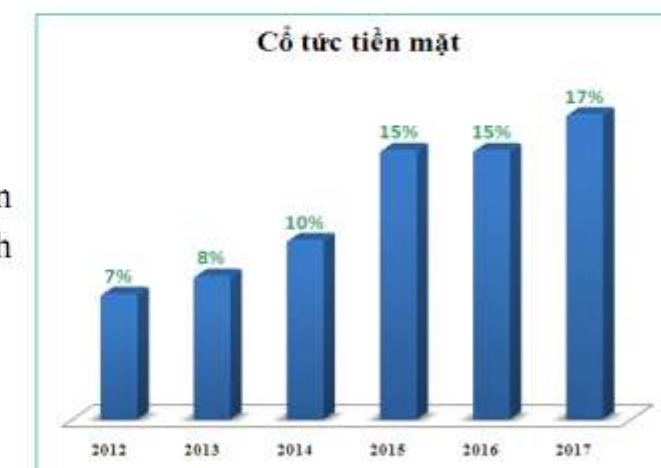
Cổ tức bằng tiền năm 2017 dự kiến là 17% so với 15% năm 2016.



ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2017

Chính sách cổ tức

Chúng tôi quyết định giành gần 50% lợi nhuận sau thuế năm 2017 để chi cổ tức, chia sẻ lợi ích nhiều hơn cho cổ đông.







BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

của

Ban Điều Hành, HĐQT,
Ban Kiểm soát

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2017 vừa qua, hoạt động sản xuất của Công ty gặp không ít những khó khăn như việc Cục BVTV loại bỏ một số sản phẩm có doanh số cao ra khỏi danh mục, việc đăng ký sản phẩm mới và tái đăng ký sản phẩm được xiết chặt nên đã ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, tình hình cạnh tranh gay gắt, giá nông sản xuống thấp cũng đã ảnh hưởng rất nhiều đến nhu cầu thị trường và tình hình kinh doanh của đơn vị.

Tuy nhiên với sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo Tổng công ty, sự thống nhất của tập thể Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cùng sự nỗ lực năng động của tập thể CB.CNV Công ty, năm 2017 Công ty đã hoàn thành rất tốt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao và tăng trưởng hơn so với cùng kỳ 2016: *tổng doanh thu hợp nhất thực hiện 1.229 tỷ, đạt 129% so với kế hoạch và đạt 142% so với thực hiện cùng kỳ năm trước; lợi nhuận trước thuế thực hiện 50,6 tỷ, đạt 117% so với kế hoạch và đạt 118% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.*



Số liệu tài chính năm 2017 sau khi đã hợp nhất CTCP Thương Mại Mộc Hóa (MJC):

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Tỷ lệ TH/KH
Doanh thu thuần (hợp nhất)	950.000.000.000	1.229.075.595.504	129%
Lợi nhuận trước thuế	43.305.000.000	50.643.066.793	117%
Lợi nhuận sau thuế	32.375.000.000	38.201.098.773	118%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 của SPC

Số liệu tài chính năm 2017 chưa hợp nhất Công ty MJC như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Tỷ lệ TH/KH
Doanh thu thuần (hợp nhất)	950.000.000.000	1.013.552.222.604	107%
Lợi nhuận trước thuế	43.305.000.000	46.760.855.659	108%
Lợi nhuận sau thuế	32.375.000.000	35.312.581.450	109%

1.2 Các hoạt động của HĐQT trong năm 2017



Trong năm 2017 vừa qua, được sự uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông trong công tác chỉ đạo thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị công ty đã triển khai và định hướng cho Ban điều hành công ty thực hiện các chương trình hành động tích cực và đồng bộ trong năm 2017 thông qua các nội dung làm việc, thảo luận, tìm nhiều giải pháp thực hiện Nghị quyết của ĐHCD giao.

Bên cạnh đó, HĐQT cũng đã tranh thủ ý kiến tham gia của Ban kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty để từ đó có ý kiến chỉ đạo thiết thực giúp Ban điều hành hoàn thành vượt mức nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao.

Định kỳ hàng quý, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp đầy đủ theo đúng Điều lệ của Công ty, theo đó đã thông qua một số nội dung chính như sau:

- Triển khai và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng qui định.
- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh hàng quý, đánh giá hiệu quả điều hành của Ban giám đốc, hoạt động Ban kiểm soát, những tồn tại chưa giải quyết được.
- Xem xét và thông qua các tờ trình, đề xuất của Ban điều hành nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị được thuận lợi, hiệu quả.
- Cùng Ban điều hành giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

1.3 Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT:

Công ty đã thực hiện công tác chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị theo đúng kế hoạch đã được Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 thông qua với tổng thù lao là 144.000.000 đồng (không bao gồm lương chuyên trách). Chi tiết cho từng thành viên HĐQT như sau:

- Chủ tịch hội đồng quản trị: hưởng lương chuyên trách. (36 triệu đồng/tháng, căn cứ theo hiệu quả hoạt động kinh doanh hàng tháng).
- Thành viên hội đồng quản trị: 3.000.000 đồng/tháng.



1.4 Kết quả giám sát đối với Ban điều hành:

Căn cứ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty thông qua các cuộc họp định kỳ tháng, hoặc họp bất thường trong trường hợp có công việc quan trọng, khẩn cấp cần giải quyết.

Các nội dung giám sát có chuyên đề:

- Giám sát việc đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý.
- Giám sát xử lý nợ phải thu, giám sát chất lượng hàng tồn kho thông qua việc thành lập các tổ công tác nhằm xử lý trực tiếp và kịp thời các vấn đề phát sinh và tồn đọng.
- Giám sát việc thu chi tài chính.
- Giám sát việc thanh lý các dự án đầu tư không hiệu quả.
- Giám sát việc thực hiện Quy chế của Ban điều hành...

Trong năm qua, Ban điều hành thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình hoạt động trong các cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT. Với tinh thần trách nhiệm cao, Ban điều hành đã chủ động các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao.

1.5 Nhận xét đánh giá:

Với kết quả đạt được trong năm vừa qua cho thấy dấu hiệu tích cực trong công tác định hướng chi đạo đúng đắn của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị cũng như tinh thần nghiêm túc, tích cực của Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty. Đồng thời kết quả đạt được trong năm qua cũng sẽ là nguồn động viên tinh thần người lao động trong Công ty để tiếp tục nỗ lực, phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và những năm tiếp theo.



Các Biên bản/Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2017:

Stt	Biên bản	Ngày	Diễn giải
1	01/BBH-BVTVSG-HĐQT	07/02/2017	BBH Hội đồng quản trị ngày 07/02/2017
2	05/BBH-BVTVSG-HĐQT	20/02/2017	BBH Hội đồng quản trị ngày 20/02/2017 (bầu Chủ tịch HĐQT)
3	08/BBH-BVTVSG-HĐQT	23/02/2017	BBH Hội đồng quản trị ngày 23/02/2017
4	11/BBH-BVTVSG-HĐQT	20/03/2018	BBH Hội đồng quản trị ngày 20/03/2017
5	13/BB-ĐHĐCĐ	08/04/2017	BBH Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017
6	15/BBH-BVTVSG-NSHC	04/05/2017	Biên bản họp HĐQT ngày 04/05/2017
7	24/BBH-BVTVSG-HĐQT	22/08/2017	Vay vốn ngân hàng TMCP CTVN chi nhánh 1 TPHCM năm 2017-2018
8	25a/BBH-BVTVSG-HĐQT	12/08/2017	Vay vốn ngân hàng nông nghiệp & PTNT VN CN TPHCM (xây dựng nhà kho 36x78)
9	25c/BBH-BVTVSG-HĐQT	12/8/2017	Vay vốn ngân hàng nông nghiệp & PTNT VN CN TPHCM
10	26/BBH-BVTVSG-NSHC	17/08/2017	Biên bản họp HĐQT ngày 17/08/2017
11	32/BBH-BVTVSG-NSHC	02/11/2017	Biên bản họp HĐQT ngày 02/11/2017
12	36/BBH-BVTVSG-NSHC	14/12/2017	Biên bản họp HĐQT ngày 14/12/2017

Stt	Nghị quyết	Ngày	Diễn giải
1	02/NQ-BVTVSG-HĐQT	08/02/2017	Nghị quyết bầu bổ sung TV HĐQT (bà Lê Thị Phương)
2	03/NQ-BVTVSG-HĐQT	08/02/2017	NQ phiên họp ngày 07/02/2017 (thông qua báo cáo kết quả hoạt động 2016, thống nhất quỹ tiền lương 2017, thông qua các tờ trình số 01,02,04,05,08)
3	04/NQ-BVTVSG-HĐQT	08/02/2017	NQ thông qua việc tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2017 và tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 năm 2016
4	06/NQ-BVTVSG-HĐQT	20/02/2017	NQ Hội đồng quản trị bổ nhiệm bà Lê Thị Phương giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT chuyên trách
5	09/NQ-BVTVSG-HĐQT	01/03/2017	NQ HĐQT phiên họp 23/02/2017 (thay đổi hình thức ký kết HĐLĐ ông Phan Thanh Hóa, ký tiếp HĐLĐ đối với bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng)
6	10/NQ-BVTVSG-HĐQT	07/03/2017	NQ Điều chỉnh giá sản phẩm MMTB đề nghị thanh lý của SPC Lào
7	12/NQ-BVTVSG-HĐQT	24/3/2017	Nghị quyết HĐQT phiên họp ngày 20/3/2017 (thông qua nội dung chương trình ĐHCĐ thường niên, BC SXKD 2016 và kế hoạch ĐHCĐ của MJC, tờ trình số 13, 17)
8	14/NQ-ĐHĐCĐ	08/4/2017	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
9	14a/NQ-BVTVSG-HĐQT	03/4/2017	NQ Vay vốn tại Ngân hàng BIDV - chi nhánh Sài Gòn
10	16/NQ-BVTVSG-HĐQT	04/5/2017	Nghị quyết HĐQT phiên họp ngày 04/5/2017 (BC SXKD 4 tháng đầu năm 2017, BC kết quả ĐHCĐ của MJC, thông qua nội dung phân công các TV HĐQT...)
11	17/NQ-BVTVSG-HĐQT	08/5/2017	Chi cổ tức đợt cuối năm 2016
12	18/NQ-BVTVSG-HĐQT	22/6/2017	Phân công ông Đinh Xuân Ngữ - GĐCN Daklak tạm thời kiêm nhiệm GĐCN Gia Lai
13	19/NQ-BVTVSG-HĐQT	22/6/2017	Phân công ông Nguyễn Văn Cường - GĐCN Đà Nẵng tạm thời kiêm nhiệm GĐCN Nghệ An
14	20/NQ-BVTVSG-HĐQT	01/8/2017	Lựa chọn CT TNHH kiểm toán & dịch vụ tin học TPHCM (AISC) thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của SPC năm 2017.
15	22/NQ-BVTVSG-HĐQT	12/8/2017	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản cần hộ chung cư số 2 - tầng 4 tòa nhà HH2D khu chung cư Lê Văn Lương - Hà Nội
16	23/NQ-BVTVSG-HĐQT	12/8/2017	Tạm ngưng hoạt động CN Long An từ 01/9/2017 đến 31/8/2018
17	25/NQ-BVTVSG-HĐQT	24/7/2017	Bán cổ phiếu công ty HAI
18	25b/NQ-BVTVSG-HĐQT	12/8/2017	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp (xây dựng nhà kho 36x78)
19	25d/NQ-BVTVSG-HĐQT	12/8/2017	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp
20	27/NQ-BVTVSG-HĐQT	17/08/2017	Nghị quyết HĐQT phiên họp ngày 17/08/2017 (BC KQSXKD 6 tháng đầu năm 2017 và phương hướng 6 tháng cuối năm 2017)
21	28/NQ-BVTVSG-HĐQT	09/09/2017	Phân công ông Khang Bảo Chương kiêm nhiệm vị trí GĐCN Daklak.
22	29/NQ-BVTVSG-HĐQT	11/09/2017	Điều chỉnh VPĐD Myanmar thành chi nhánh Myanmar và bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Bình - Giám đốc CN
23	33/NQ-BVTVSG-HĐQT	02/11/2017	Nghị quyết HĐQT phiên họp ngày 02/11/2017 (BC SXKD 9 tháng đầu năm 2017 và phương hướng 3 tháng cuối năm 2017, thông qua các tờ trình số 54, 56, 57,59, 60,61)
24	34/NQ-BVTVSG-HĐQT	22/11/2017	Mua thêm cổ phần MJC để đạt tỷ lệ chi phối >51%.
25	35/NQ-BVTVSG-HĐQT	05/12/2017	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017
26	37/NQ-BVTVSG-HĐQT	14/12/2017	Nghị quyết HĐQT phiên họp ngày 14/12/2017 (thông qua các tờ trình số 63,65,67,68,69,70,72)

2. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

2.1 Kế hoạch một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2018:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	
	Chưa hợp nhất MJC	Sau khi hợp nhất MJC
Doanh thu thuần	950.000.000.000	1.236.000.000.000
Lợi nhuận trước thuế	48.110.850.000	51.310.850.000
Lợi nhuận sau thuế	36.499.950.000	38.899.950.000
Tỷ lệ chi trả cổ tức	17%	17%

2.2 Giải pháp thực hiện:

- Chi đạo Ban điều hành tập trung bán dứt điểm lượng sản phẩm cấm đã mua dự trữ trong những tháng cuối năm 2017 nhằm thu hồi vốn, đảm bảo hiệu quả kinh doanh của đơn vị.
- Tích cực hơn nữa trong công tác đăng ký, phát triển sản phẩm mới thay thế sản phẩm bị cấm kinh doanh theo qui định của Cục BVTV, đồng thời mở rộng ngành nghề kinh doanh như kinh doanh phân bón lá dạng nước, phân hữu cơ vi sinh, giống cây trồng, ...
- Xây dựng bộ sản phẩm chiến lược cho cây trồng chủ lực và cây trồng tiềm năng, các sản phẩm có kỹ thuật cao thân thiện với môi trường nhằm tạo sự khác biệt, mở rộng thị phần và nâng cao năng lực cạnh tranh của đơn vị.
- Tập trung đánh giá lại năng lực tài chính từng khách hàng để có chiến lược kinh doanh phù hợp, giảm thiểu rủi ro tài chính cho đơn vị; Bên cạnh đó, mở rộng hệ thống đại lý cấp 2, các đại lý bán hàng trực tiếp cho nông dân để phát triển thị trường, đưa sản phẩm trực tiếp đến tay người tiêu dùng.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, tổ chức các sự kiện như chương trình bốc thăm trúng thưởng, đồng hành cùng SPC, hội thảo thương mại kết hợp du lịch nghỉ dưỡng, ... Ngoài ra, tăng cường phát triển hệ thống phân phối, đặc biệt là thị trường Campuchia và Myanmar để giải quyết bài toán tăng trưởng, chiến lược toàn cầu hoá.
- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao bằng chính sách đào tạo phù hợp cùng với việc phân công, bố trí công việc hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả quản trị nguồn nhân lực của đơn vị. Trẻ hoá cán bộ lãnh đạo và quản lý. Tập hợp các cán bộ lớn tuổi, có chuyên môn

cao, nhiều kinh nghiệm tạo thành một đội ngũ chuyên gia để hỗ trợ cho cán bộ lãnh đạo trẻ.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý điều hành nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

1.1 ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG:



Trong năm qua, thị trường kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tiếp tục cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn, các chính sách pháp luật về kinh doanh, đăng ký thuốc bảo vệ thực vật mới ban hành ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, giá nông sản vẫn còn ở mức thấp, hiệu quả thu hoạch không đủ bù đắp chi phí sản xuất nên nông dân không còn đầu tư thuốc bảo vệ thực vật nhiều như trước, làm cho nhu cầu thuốc bảo vệ thực vật giảm đáng kể.

Tuy nhiên với sự nỗ lực vượt bậc của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty, năm 2017 Công ty đã đạt và vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

1.2 KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017:

Giá trị sản xuất (theo giá CD 94):

Thực hiện 719,8 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch năm và tăng 13% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu hợp nhất:

Thực hiện 1.229 tỷ, đạt 129% kế hoạch năm và tăng 42% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận sau thuế:

Thực hiện 38,2 tỷ đạt 118% kế hoạch năm và tăng 24% so với cùng kỳ năm trước.

Thu nhập người lao động:

Đạt 113% kế hoạch và tăng 3% so với cùng kỳ năm trước.

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2016	Năm 2017			
				Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH 2017	2017/2016
1	Giá trị sản xuất (giá CD 94)	ngàn đồng	638.735.616	715.220.000	719.811.672	113%	101%
2	Sản lượng	Tấn	10.360	13.500	14.380	139%	107%
3	Tổng doanh thu hợp nhất	ngàn đồng	863.495.162	950.000.000	1.229.075.595	129%	142%
4	Lợi nhuận trước thuế	ngàn đồng	42.787.126	43.305.000	50.643.066	117%	118%
5	Lợi nhuận sau thuế	ngàn đồng	30.858.714	32.375.000	38.201.098	118%	124%
6	Tỷ suất LN sau thuế/VĐL	%	29%	31%	36%	116%	124%
7	Nộp ngân sách	ngàn đồng	47.282.372	45.980.000	53.050.000	112%	115%
8	Lao động bình quân	người	480	526	526	110%	100%
9	Thu nhập bình quân/tháng	đ/người	10.797.875	11.905.777	12.246.000	113%	103%

1.3 Về tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

Chuyển nhượng dự án đầu tư tại Lào: hiện nay Công ty đã chuyển nhượng được 4/5 dự án với tổng giá trị thu hồi là 652.671 USD ~ 13.916.750.000 đồng. Đồng thời đã tiến hành thanh lý 67/75 tài sản là máy móc thiết bị sản xuất nông nghiệp, phương tiện vận chuyển, ... với tổng giá trị thu hồi là 4.092.245.960 đồng. Như vậy, tổng giá trị thu hồi dự án đầu tư tại Lào đến thời điểm hiện nay khoảng 18 tỷ đồng (tổng giá trị thu hồi dự án Lào theo Nghị quyết ĐHCD 2014 tối thiểu là 16,5 tỷ đồng). Các máy móc thiết bị còn lại Công ty sẽ cố gắng chuyển nhượng dứt điểm trong năm 2018, riêng dự án Trung tâm thương mại tại KM21 Công ty đang trình xin ý kiến Ủy ban nhân dân thành phố giữ lại để làm văn phòng chi nhánh SPC Lào.



Về dự án đầu tư xây dựng: đã thực hiện xong dự án xây dựng đường nội bộ XNHP giai đoạn 2 và công trình nâng nền Tổng kho Cần Thơ; đang triển khai thực hiện dự án xây dựng Nhà kho 36 x 78 m, dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong tháng 4/2018.



Về đầu tư mua sắm máy móc thiết bị: đã đầu tư máy đóng gói 3 biên và đưa vào sử dụng trong tháng 2/2018; Thực hiện cải tạo nâng cấp máy đóng gói thuốc cỏ bột tăng gấp đôi năng suất; Cải tạo nâng cấp máy ra chai thuốc nước (từ 6 vôi lên 10 vôi) tăng 50% năng suất sản xuất; Nâng cấp, cải tiến máy đóng chai thuốc nước SC tăng 50% năng suất; và đang tiến hành xây dựng phương án cải tiến các máy đóng chai còn lại nhằm tăng năng suất, giảm giá thành sản phẩm.

Ngoài ra, tháng 11/2017 Công ty đã mua thêm 405.367 cổ phần (chiếm 25,39%/VĐL) của Công ty cổ phần Thương Mại Mộc Hóa. Như vậy tính đến 31/12/2018, Công ty SPC đã giữ cổ phần chi phối tại Công ty MJC với tỷ lệ sở hữu là 61,74% /VĐL của MJC.

1.4 Về lĩnh vực nghiên cứu - phát triển sản phẩm mới:

Công ty đang tập trung đẩy mạnh công tác đăng ký sản phẩm mới và đăng ký bổ sung nhằm thay thế các sản phẩm cũ, các sản phẩm có hoạt chất bị cấm sản xuất nhằm bổ sung danh mục sản phẩm thay thế chất lượng tốt hơn, không ảnh hưởng đến môi trường.



Ngoài ra, Công ty đã đăng ký bổ sung 4 đối tượng/cây trồng (Saicoba 500 EC/ cỏ bắp, mía, lạc; SK Enspray 99 EC/ sâu hồng đục trái bưởi.), đăng ký mới 25 sản phẩm cho Campuchia, 15 sản phẩm cho Myanmar và 37 sản phẩm cho Lào.

1.5 Về công tác vận hành nội bộ:

Công ty tiếp tục cơ cấu tổ chức bộ máy từ lãnh đạo đến các phòng, ban theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp. Bên cạnh đó đẩy mạnh công tác đào tạo, tìm kiếm nguồn nhân lực kế thừa nhằm duy trì và đổi mới cơ chế hoạt động của đơn vị;

Đẩy mạnh phát động các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch hàng tháng, quý

và cả năm, tổ chức phong trào thi đua tiết kiệm chi phí trên toàn công ty.

1.6 Về công tác quản lý tài chính

Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý nợ, xây dựng hạn mức tín dụng cho từng khách hàng, xiết chặt việc bán hàng cho khách hàng thông qua công cụ hạn mức tín dụng, công nợ quá hạn, ký hợp đồng mua bán đã có hiệu quả trong công tác quản lý công nợ khách hàng, hạn chế được rủi ro tài chính.

Xây dựng định mức tồn kho cho từng chi nhánh, khu vực, từng ngành hàng nhằm kiểm soát, tăng vòng quay hàng tồn kho, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của đơn vị.



1.7 Về công tác phát triển thị trường

Tập trung đẩy mạnh phát triển thị trường tại Myanmar sau khi được cấp giấy phép mở chi nhánh tại Myanmar và chính thức đi vào hoạt động trong tháng 7/2017 và bước đầu đã xác định được đối tác tiềm năng nhằm đẩy mạnh xuất khẩu sang Myanmar.



Thường xuyên đánh giá hệ thống phân phối, xây dựng nhiều chương trình khuyến mại, chương trình chăm sóc khách hàng nhằm củng cố mối quan hệ với khách hàng. Tập trung tăng cường phát triển hệ thống phân phối tại thị trường Campuchia, Lào, Myanmar, đồng

thời đã tìm hiểu thị trường Bangladesh để định hướng trong thời gian tới sẽ tiến hành đăng ký sản phẩm và phát triển kinh doanh tại thị trường này.

Đẩy mạnh phát triển ngành hàng phân bón, các chế phẩm sinh học như phân bón NPK của Công ty KVF, chất bám dính, phân hữu cơ từ rác, phân bón lá,...nhằm đa dạng hóa ngành nghề, nâng cao hiệu quả hoạt động, bù đắp doanh số các sản phẩm bị cấm.



2. PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

2.1 MỘT SỐ DỰ BÁO THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN:

Thuận lợi

- Công ty có hệ thống phân phối rộng khắp cả nước, công tác quản lý tài chính, marketing phù hợp với mục tiêu, chiến lược kinh doanh cả ngắn và trong dài hạn.
- Các sản phẩm của Công ty đa dạng, chất lượng cao, giá cả hợp lý, cạnh tranh tiếp tục giữ được uy tín đối với nông dân, người tiêu dùng trực tiếp do chất lượng sản phẩm luôn được đảm bảo và mang lại hiệu quả cao cho người tiêu dùng.
- Các khách hàng truyền thống của Công ty vẫn tiếp tục gắn bó với Công ty, chia sẻ khó khăn và kinh nghiệm thị trường, hệ thống phân phối luôn được giữ vững và phát triển. Đến nay hệ thống phân phối trong nước đạt gần 700 đại lý các cấp, 15 chi nhánh kinh doanh cho phép sản phẩm thuốc của SPC có mặt ở mọi miền đất nước.
- SPC nhận được tín nhiệm của các ngân hàng thương mại và các nhà cung cấp đầu vào.
- Luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo Tổng Công ty cũng như sự hỗ trợ của các cơ quan ban ngành có liên quan (Chi cục BVTV, Trạm khuyến nông, Hiệp hội BVTV)



Khó khăn:

- Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng ngành thuốc bảo vệ thực vật có xu hướng chậm lại, diện tích đất nông nghiệp trong những năm gần đây có xu hướng giảm. Bên cạnh đó là việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sẽ trở nên thận trọng hơn khi mà các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm trong nước và quốc tế ngày càng nghiêm ngặt.
- Tình hình cạnh tranh thị trường vẫn diễn ra hết sức gay gắt, các đối thủ cạnh tranh có nguồn vốn tốt đưa ra những chính sách bán hàng hấp dẫn nhằm lôi kéo khách hàng như cấp tín dụng cao cho khách hàng, áp dụng chính sách gửi kho dài hạn, mở rộng hạn thanh toán cho khách hàng, ...do đó buộc Công ty phải đẩy mạnh các chính sách chiết khấu dẫn đến chi phí hoạt động tăng cao.
- Thời gian vừa qua, Nhà nước ban hành nhiều chính sách thắt chặt việc đăng ký sản phẩm mới và loại bỏ một số hoạt chất có độ độc cao ra khỏi danh mục thuốc BVTV (SPC bị mất 18 sản phẩm) làm cho doanh số Công ty tụt giảm khoảng 150 tỷ/năm trong thời gian tới. Ngoài ra dự kiến trong năm 2018, Nhà nước sẽ tiếp tục cấm một số hoạt chất nữa nên dự kiến sẽ ảnh hưởng rất lớn đến doanh số của đơn vị.

2.2 KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ GIẢI PHÁP NĂM 2018

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2018

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	
				Chưa hợp nhất MJC	Hợp nhất MJC
1	Giá trị sản xuất (giá CEĐ 94)	ngàn đồng	719,811,672	716,700,000	716,700,000
2	Sản lượng	Tấn	14,380	13,569	13,569
3	Tổng doanh thu hợp nhất	ngàn đồng	1.229.075.595	950,000,000	1,236,000,000
4	Lợi nhuận trước thuế	ngàn đồng	50.643.066	48,110,850	51,310,850
5	Lợi nhuận sau thuế	ngàn đồng	38.201.098	36,499,950	38,899,950
6	Tỷ suất LN sau thuế/VĐL	%	36%	35%	37%
7	Nộp ngân sách	ngàn đồng	53.050.000	43,000,000	43,000,000
8	Lao động bình quân	người	526	550	550
9	Thu nhập bình quân/tháng	đ/người	12,246,000	12,700,000	12,700,000

Các giải pháp chính để Công ty đạt được kế hoạch đề ra

- Đẩy mạnh công tác đăng ký, phát triển sản phẩm mới thay thế sản phẩm bị cấm kinh doanh theo qui định của Cục BVTV, đồng thời mở rộng ngành nghề kinh doanh như kinh doanh phân bón vô cơ, thức ăn gia súc...

- Tập trung phát triển và cung ứng ra thị trường các sản phẩm phân bón hữu cơ vi sinh, thuốc trừ sâu bệnh có nguồn gốc sinh học, các sản phẩm có kỹ thuật cao thân thiện với môi trường có hiệu quả cao cho nông dân, cạnh tranh được với các sản phẩm của các công ty khác cùng ngành.

- Xây dựng bộ sản phẩm chiến lược cho cây trồng chủ lực và cây trồng tiềm năng, nhằm giảm thiểu và hạn chế tối đa những rủi ro đối với cây trồng mất năng suất và mất giá hiện nay như cây cao su, cà phê, bắp, thanh long; đồng thời cũng thuận lợi cho việc đưa các sản phẩm vào vùng sâu, vùng xa.

- Tập trung đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, tăng cường phát triển hệ thống phân phối, đặc biệt là thị trường Campuchia và Myanmar để giải quyết bài toán tăng trưởng, chiến lược toàn cầu hoá. Xây dựng kế hoạch marketing phát triển sản phẩm khác nhau: sản phẩm mới, sản phẩm phổ biến đã có thương hiệu, sản phẩm có hiệu quả cao.



- Tăng cường công tác thu hồi công nợ, giảm thiểu phát sinh nợ quá hạn, khuyến khích bán hàng bằng tiền mặt, thường xuyên đánh giá, phân tích năng lực tài chính của khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro chính.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao bằng chính sách thu hút, đào tạo, phân phối và sử dụng một cách hiệu quả trên cơ sở chủ động qui hoạch, đào tạo, bố trí sử dụng các chức danh then chốt của Công ty.

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua tiết kiệm chi phí và hoàn thành kế hoạch SXKD.

KẾT LUẬN:

Trên đây là toàn văn báo cáo kết quả hoạt động năm 2017 và phương hướng năm 2018 của Ban điều hành. Nhiệm vụ SXKD năm 2018 còn nhiều khó khăn, tuy đã có những biện pháp khắc phục và phương án hành động sẵn sàng, nhưng Công ty cũng không thể lường hết những biến cố, rủi ro, do đó để hoàn thành kế hoạch năm 2018, Ban Điều hành Công ty rất mong nhận được sự đoàn kết nhất trí của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty, sự ủng hộ của Quý cổ đông, sự hỗ trợ của lãnh đạo Tổng Công ty, các Sở Ban Ngành thành phố.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2017 :

- Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty. Tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty và các chi nhánh... Từ đó, báo cáo kiến nghị các giải pháp cho HĐQT và Ban điều hành nhằm ngăn ngừa những rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến đơn vị và lợi ích của cổ đông.



- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Theo dõi, kiểm tra việc xây dựng quy chế, quy định của Công ty và việc thực hiện các quy chế, quy định đã ban hành.
- Giám sát việc thực hiện pháp luật Nhà nước, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thông qua chương trình kiểm toán và tham gia làm việc cùng công ty kiểm toán độc lập, xem xét, kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm của đơn vị.

- Mức thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2017 :

- ✓ Trường Ban kiểm soát : Hưởng lương chuyên trách
- ✓ Thành viên Ban kiểm soát : 2 triệu đồng/tháng.

2. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017:

2.1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2017 : DVT : triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Năm 2017		Tỷ lệ	
			Kế hoạch	Thực hiện	3/1	3/2
1	Tổng tài sản	591.845		801.693	135%	
2	Công nợ phải thu	256.543		199.352	78%	
3	Hàng tồn kho	215.397		472.807	220%	
4	Nợ phải trả người bán	413.787		596.550	144%	
5	Vốn chủ sở hữu	178.057		205.142	115%	
6	Hệ số nợ/Vốn CSH (lần)	2.32		2.90	125%	
7	Doanh thu (hợp nhất)	863.495	950.000	1.229.075	142%	129%
8	Lợi nhuận trước thuế	42.787	43.305	50.643	118%	117%
9	Lợi nhuận sau thuế	30.859	32.375	38.201	124%	118%
10	Tỷ suất lợi nhuận/DThu	3.6%		3.1%	87%	
11	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn CSH	18.4%		21.5%	117%	

(Nguồn số liệu: căn cứ BCTC năm 2017 đã được kiểm toán)

Ghi chú: Doanh thu và lợi nhuận 2017 đã bao gồm số liệu của Công ty cổ phần Mộc Hóa

2.2. Đánh giá kết quả thực hiện

- Công nợ phải thu khách hàng đến 31/12/2017 : 199.352.986.389 tỷ đồng, giảm 22% (tương đương 57 tỷ đồng) so với năm 2016.
Nguyên nhân : Công ty đã ban hành kịp thời nhiều thông báo về chính sách thu tiền và thành lập các tổ công tác hỗ trợ chi nhánh thu hồi công nợ một cách hiệu quả nhất, làm cho công nợ đến cuối năm 2017 giảm đáng kể
- Hàng tồn kho đến 31/12/2017 : 472.807.673.197 tỷ đồng tăng 120% (tương đương 257 tỷ đồng) so với thời điểm cùng kỳ năm 2016.
Nguyên nhân : Theo quy định của pháp luật, trong năm 2018 có một số hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật bị cấm nhập khẩu, do đó trong năm 2017 Công ty phải nhập dự trữ nguồn nguyên liệu các sản phẩm này để tiếp tục sản xuất và kinh doanh trong năm 2018 để đảm bảo nguồn cung cho thị trường và cân đối doanh thu, lợi nhuận theo kế hoạch đề ra. Công ty cũng đã ban hành các thông báo áp dụng định mức tồn kho cho từng đơn vị chi nhánh nhằm kiểm soát chặt chẽ hàng tồn kho, giảm thiểu tối đa tình trạng hàng hóa bị cận date, hết date.
- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu năm 2017 là 2.9 lần, tăng 125% so với năm 2016.
Nguyên nhân : trong năm 2017 Công ty phải nhập dự trữ nguồn nguyên liệu các sản phẩm bị cấm làm cho công nợ nhà cung cấp tăng cao vào thời điểm cuối năm
- Doanh thu năm 2017 đạt 1.229 tỷ đồng đạt 129% kế hoạch năm và tăng 42% so với thực hiện năm 2016.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 38,2 tỷ đồng đạt 118% kế hoạch năm và tăng 24% so với thực hiện năm 2016.

- Tỷ suất lợi nhuận trên Doanh thu năm 2017 : 3.1% đạt 87% so với năm 2016.
- Tỷ suất lợi nhuận trên Vốn chủ sở hữu năm 2017 : 21.5% đạt 117% so với năm 2016.
Nguyên nhân : Báo cáo tài chính năm 2017 đã hợp nhất số liệu của Công ty Cổ phần Mộc Hóa (Công ty con do SPC nắm giữ 61,73% vốn điều lệ).

3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2017 :

Về Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Công ty đã thực hiện với các kết quả như sau :

- Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin Học TPHCM (AISC) thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 theo đúng Nghị quyết.
- Công ty đã sử dụng và trích lập các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi theo đúng tinh thần của Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Công ty đã tiến hành thông báo và chi trả cổ tức năm 2017 đợt 1 cho các cổ đông theo Nghị quyết đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 với tỷ lệ 7%/mệnh giá (700 đồng/cổ phiếu), phần còn lại sẽ tiếp tục chi trả sau Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.
- Đã chi trả thù lao đầy đủ cho HĐQT và BKS cũng như khen thưởng HĐQT, BKS, BDH theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017
- Công ty đã tiến hành sửa đổi Điều lệ theo nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thông báo đầy đủ kịp thời đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền :

Bổ sung ngành nghề kinh doanh :

+ Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản (Mã ngành 4620)

+ Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay (Mã ngành 5229)

+ Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh (Mã ngành 0118)

- Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 thì Công ty đã bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT là Bà Lê Thị Phượng giữ chức Chủ tịch HĐQT và Ông Nguyễn Nhật Thông là thành viên HĐQT thay cho Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh và Ông Phan Văn Sang.



4. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG

4.1 Về công tác chung :

- BKS không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của công ty. Hoạt động của công ty là tuân thủ theo pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của công ty và các Nghị quyết của Đại hội cổ đông.
- HĐQT và Ban điều hành đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ và đột xuất bằng hình thức tập trung, có đầy đủ các thành viên HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát tham gia, có biên bản họp sau khi kết thúc, những cuộc họp lấy ý kiến các thành viên đều được thực hiện theo đúng trình tự, đúng quy chế, và phù hợp với Điều lệ công ty. Các thành viên HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các Nghị quyết và quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định của pháp luật.
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã ban hành kịp thời các Quy định, các Quy chế và các văn bản mới để áp dụng vào thực tiễn theo quy định của Tổng công ty và phù hợp với luật doanh nghiệp và luật pháp Việt Nam.
- Trong năm 2017 vẫn còn khó khăn do cạnh tranh gay gắt trên thị trường, tuy nhiên công ty đã kịp thời đưa ra các chính sách bán hàng phù hợp, phát động các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch, tiết kiệm chi phí.

4.2 Về công tác đầu tư :

- Dự án tại Lào : tính đến thời điểm hiện tại, các công việc liên quan đến chuyển nhượng dự án đã thực hiện như sau :

✓ Đã tiến hành chuyển nhượng xong 4/5 dự án : Nông trại Pathumphon, Nông trại Bachieng, Nông trại Paksong và Nông trại Km15 với tổng giá trị thu hồi là 652.671 USD tương đương 14 tỷ đồng.

✓ Đã tiến hành thanh lý 67/75 tài sản là máy móc thiết bị sản xuất nông nghiệp, phương tiện vận chuyển,... với tổng giá trị thu hồi là gần 4 tỷ đồng, các máy móc thiết bị sản xuất nông nghiệp còn lại sẽ tiếp tục chuyển nhượng trong năm 2018.

✓ Như vậy, tổng giá trị thu hồi dự án đầu tư tại Lào đến thời điểm hiện tại là : 18 tỷ đồng.

✓ Dự án còn lại : Công ty đang tiến hành các thủ tục để xin giữ lại TTTM Km21 làm văn phòng SPC.Lào.





BÁO CÁO TỔNG KẾT 2013 - 2017

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN KIỂM SOÁT

KẾT
QUẢ
KINH
DOANH

2013 - 2017



Báo cáo
2013 - 2017

Phương hướng
2018 - 2022

Triệu VNĐ	2013	2014	2015	2016	2017
Doanh thu thuần	856,805	880,369	872,207	863,495	1,229,075
Giá vốn hàng bán	651,161	666,267	644,455	660,672	988,852
Lợi nhuận gộp	205,644	214,102	227,752	202,822	240,233
Tỉ suất lợi nhuận gộp	24.00%	24.32%	26.11%	23.49%	19.55%
Doanh thu tài chính	1,872	3,057	6,340	5,554	8,801
Chi phí tài chính	13,931	12,282	21,467	19,569	19,216
Chi phí bán hàng	116,400	142,128	151,706	134,029	153,286
Chi phí quản lý	39,686	31,046	24,422	23,621	36,984
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	37,498	32,733	36,743	31,199	39,537
Lợi nhuận khác	-7,587	-539	1,165	11,587	11,881
Lãi công ty liên kết	1,361	1,029	245	43	
Lợi nhuận trước thuế và chi phí tài chính	45,204	44,476	59,375	50,768	69,859
Lợi nhuận trước thuế	31,272	32,193	37,908	42,787	50,643
Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ	19,949	22,451	28,028	30,858	37,403

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Triệu VNĐ	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng cộng tài sản	519,642	493,702	552,980	591,844	801,693
1. TÀI SẢN NGẮN HẠN	429,405	423,753	491,710	536,010	739,707
Tiền, tương đương tiền	12,577	20,318	45,937	91,406	70,528
Các khoản phải thu ngắn hạn	185,642	199,299	221,962	242,123	192,716
Hàng tồn kho	208,078	186,530	215,454	196,003	452,589
Các khoản khác	23,108	17,606	8,357	6,003	23,874
2. TÀI SẢN DÀI HẠN	90,238	69,949	61,270	55,833	61,985
Tài sản cố định	47,014	34,291	28,042	22,152	31,075
Bất động sản đầu tư	4,542	3,330	3,172	2,826	2,532
Đầu tư tài chính dài hạn	12,535	11,834	11,167	11,210	3,935
Các khoản khác	26,146	20,494	18,889	18,630	24,443
3. NỢ PHẢI TRẢ	375,616	339,398	384,859	413,787	596,330
Vay và nợ ngắn hạn	69,735	80,885	74,324	38,355	68,399
Phải trả người bán	259,677	201,880	243,584	300,656	453,411
Các khoản nợ ngắn hạn khác	30,290	41,565	54,089	63,594	61,248
Nợ dài hạn	15,914	15,068	12,862	11,182	13,272
4. VỐN CHỦ SỞ HỮU	144,027	154,304	168,121	178,057	205,362

Số liệu hợp nhất - đã kiểm toán

TỈ SỐ TÀI CHÍNH

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Triệu VNĐ	2013	2014	2015	2016	2017
Lưu chuyển tiền thuần	222	7,724	25,552	45,254	-20,419
1. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	34,859	-2,116	38,480	96,156	737
Lợi nhuận trước thuế	32,193	37,908	42,787	50,643	
Điều chỉnh cho các khoản :					
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		8,778	7,319	6,627	6,752
- Các khoản dự phòng		15,052	9,653	9,976	-19,292
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái		-17	-67	972	686
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		-5,212	1,304	-1,049	-167
- Chi phí lãi vay		4,964	3,263	3,263	3,873
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	55,758	59,380	62,575	62,575	42,495
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu		-19,708	-19,374	-20,824	51,436
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho		16,470	-27,805	12,800	-257,410
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả		-49,428	44,755	72,252	153,761
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước		4,803	722	-672	-816
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh		0	0	0	1,838
- Tiền lãi vay đã trả		-4,965	-3,221	-3,263	-3,821
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-7,302	-9,731	-15,472	-11,044
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2,338	0	0	24,300
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-81	-6,247	-11,238	0
2. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	2,594	9,970	999	4,579	-6,424
Trong đó tiền chi mua sắm, TSCĐ	-3,114	-3,239	-4,097	-2,514	-3,167
3. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	-37,232	-129	-13,927	-55,481	14,733

Số liệu hợp nhất - đã kiểm toán



		2013	2014	2015	2016	2017
KHẢ NĂNG THANH TOÁN						
Thanh toán hiện thời	Tình thanh khoản, khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn	1.19	1.31	1.32	1.33	1.27
Thanh toán nhanh	Khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn bằng tiền và thu tiền bán hàng	0.55	0.68	0.73	0.83	0.45
Thanh toán lãi vay	Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh để trả lãi vay ngân hàng	5.51	7.49	12.62	12.05	14.25
CHỈ TIÊU CƠ CẤU VỐN						
Tổng nợ/Tổng nguồn vốn	Giá trị nợ ngắn hạn và dài hạn trong tổng nguồn vốn	72%	69%	70%	70%	74%
Nợ ngắn hạn/Tổng nguồn vốn	Tỉ trọng nợ ngắn hạn tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại SPC	69%	66%	67%	68%	73%
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Đòn bẩy kinh doanh	2.61	2.20	2.29	2.32	2.9
Vay ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	Tỉ trọng vay nợ ngân hàng so với vốn chủ sở hữu	51%	53%	44%	22%	35%
CHỈ TIÊU NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG						
Hiệu quả sử dụng tổng tài sản	1 đồng giá trị tài sản sẽ tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu	1.71	1.74	1.66	1.51	1.76
Vòng quay hàng tồn kho	Hiệu quả luân chuyển hàng tồn kho trong năm	3.3	3.4	3.2	3.2	3.0
Vòng quay phải thu thuần kinh doanh	Công tác thu tiền bán hàng, tín dụng ưu đãi cho các đại lý	5.7	4.5	4.0	3.5	5.4
CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG SINH LỜI						
Tỉ suất lợi nhuận gộp	Mức độ sinh lời và kiểm soát chi phí giá thành sản phẩm	24.00%	24.32%	26.11%	23.49%	19.55%
Tỉ suất lợi nhuận ròng	100 đồng doanh thu tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận	2.33%	2.55%	3.21%	3.57%	3.13%
ROE	Mức độ sinh lời so với vốn góp ban đầu của chủ sở hữu	18.95%	21.32%	26.62%	29.31%	36.49%
EPS	Thu nhập mỗi cổ phần, giá trị mang lại cho các cổ đông	1.895	2.132	2.662	2.309	3.573

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2013-2017

1. Về thực hiện quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty:

Trong nhiệm kỳ, Hội đồng Quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy chế làm việc, ngoài ra còn tổ chức các cuộc họp đột xuất để giải quyết công việc theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các cuộc họp đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp nhằm đi đúng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và giải quyết các trường hợp phát sinh cần phải thông qua Hội đồng quản trị.



Biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị được lập đầy đủ, có chữ ký các thành viên Hội đồng quản trị tham gia dự họp, đảm bảo đúng nội dung và hình thức theo quy định của pháp luật, hồ sơ tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên Hội đồng quản trị dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước khi họp.

Các thành viên Hội đồng quản trị đã nêu cao tinh thần đoàn kết nhất trí cao và đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Có thể khẳng định, HĐQT nhiệm kỳ 2013 -2017 đã hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao, thực hiện đúng và đầy đủ chức trách nhiệm vụ theo qui định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trên tinh thần trách nhiệm, trung thực, nhiệt huyết và dân chủ. Các kết quả HĐQT đã đạt được thể hiện ở sự tăng trưởng của Công ty trên các mặt tổ chức sản xuất, phát triển thị trường, thay đổi cơ cấu tổ chức, số lượng, chất lượng nguồn nhân lực và giá trị thương hiệu.

2. Về thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo hoạt động Công ty:

a. Về sản xuất kinh doanh: trong nhiệm kỳ vừa qua, Công ty cũng đã gặp không ít những khó khăn về tình hình thời tiết, tình hình cạnh tranh và việc thắt chặt công tác quản lý thuốc BVTV của Cục bảo vệ thực vật. Tuy nhiên, với sự đoàn kết, thống nhất, HĐQT cũng đã kịp thời đưa ra những định hướng phát triển đúng đắn, phù hợp với tình hình thực tế và đạt được kết quả khả quan như sau:

TT	Chỉ tiêu	Dvt	2013	2014	2015	2016	2017
1	Giá trị sản lượng	Tr.đ	680.668	676.747	660.468	638.735	719.811
2	Doanh thu	Tr.đ	856.805	880.369	872.207	863.495	1.229.075
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	31.272	32.193	37.908	42.787	50.643
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	19.949	22.451	28.028	30.858	38.201
5	Vốn Điều lệ	Tr.đ	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300
6	Tỷ suất LN/Vốn ĐL	%	19%	21%	27%	29%	36%
7	Cổ tức	%	8%	10%	15%	15%	17%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của SPC
Ghi chú: Công ty SPC giữ cổ phần chi phối Công ty MJC kể từ tháng 11/2017.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch 5 năm (2013-2017)

Dvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Từ 2013 - 2017		Tỷ lệ TH/KH
		Kế hoạch	Thực hiện	
1	Doanh thu	4.647.000	4.701.951	101%
2	Lợi nhuận sau thuế	118.548	139.488	118%
3	Tỷ lệ chi trả cổ tức	62%	65%	105%

Số liệu tài chính năm 2017 chưa hợp nhất Công ty MJC như sau:

TT	Chỉ tiêu	Dvt	2013	2014	2015	2016	2017
1	Giá trị sản lượng	Tr.đ	680.668	676.747	660.468	638.735	719.811
2	Doanh thu	Tr.đ	856.805	880.369	872.207	863.495	1.013.552
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	31.272	32.193	37.908	42.787	46.760
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	19.949	22.451	28.028	30.858	35.312
5	Vốn Điều lệ	Tr.đ	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300
6	Tỷ suất LN/Vốn ĐL	%	19%	21%	27%	29%	34%
7	Cổ tức	%	8%	10%	15%	15%	17%

Với kết quả đạt được như trên, ngoài nhờ sự nỗ lực vượt bậc của toàn thể CB CNV Công ty, còn có sự quyết tâm của tập thể thành viên HĐQT, BKS đã định hướng và tiếp tục duy trì, phát

huy các ngành nghề chính, mặt khác đã mạnh dạn đầu tư thiết bị mới, mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển sản phẩm mới giúp cho Công ty phát triển ngày càng bền vững.

b. Về hoạt động đầu tư các dự án: thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông, Công ty đã thanh lý và thu hồi vốn các dự án không có hiệu quả như dự án nông trại Hoadasar; dự án trồng rau màu Kirium (Campuchia); chuyển nhượng dự án siêu thị Kiên Giang; thanh lý 4/5 dự án và 67/75 tài sản thuộc dự án đầu tư của SPC tại Lào.

c. Về đầu tư xây dựng cơ bản: Công ty đã hoàn tất nâng cấp đường nội bộ tại XNHP, nâng cấp nền kho, đường nội bộ tại CN Cần Thơ, nâng nền Cửa hàng Quận 7 và đang xây dựng nhà kho thành phẩm 36 x 78 m tại XNHP, dự kiến sẽ hoàn thành vào tháng 4/2018.



d. Về đầu tư tài chính: Trong năm 2017, Công ty đã thoái hóa vốn đầu tư tài chính tại Công ty HAI kịp thời, giúp Công ty giảm lỗ khoảng 1,5 tỷ. Bên cạnh đó, Công ty đã mua thêm 405.367 cổ phần (chiếm 25,39%/VDL) của Công ty cổ phần Thương Mại Mộc Hóa, giúp Công ty giữ cổ phần chi phối tại Công ty MJC với tỷ lệ sở hữu là 61,73% /VDL của MJC.

e. Về công tác phát triển thị trường: trong nhiệm kỳ 2013-2017, Hội đồng quản trị đã thông qua việc thành lập các chi nhánh, VPDD như sau: chi nhánh Tân An, chi nhánh An Giang, văn phòng đại diện tại Sơn La và chi nhánh Myanmar.

f. Ngoài ra, trong nhiệm kỳ 2013-2017, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo xử lý dứt điểm các khoản tồn đọng liên quan đến công nợ khó đòi của Monsanto, của SPC_Lào thông qua việc trích lập dự phòng nợ khó đòi đầy đủ và tất toán công nợ này đúng theo qui định.

3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành:

- Mọi hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đều được chỉ đạo giám sát chặt chẽ của Hội đồng quản trị, Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị (trực tiếp là Chủ tịch Hội đồng quản trị) về tình hình tài chính, đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty, từ cơ sở này Hội đồng quản trị có điều kiện thực hiện giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh các hoạt động của Ban điều hành.
- Tất cả các vấn đề phát sinh bất thường trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều được Giám đốc báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để nắm rõ diễn biến tình hình và kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.



- Chủ tịch Hội đồng quản trị trực tiếp tham gia các cuộc họp giao ban hàng tuần của Ban điều hành, các phòng ban, đơn vị và các cuộc họp quan trọng khác để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty.
- Hội đồng quản trị cũng nhận thấy Giám đốc có nhiều cố gắng cũng như nỗ lực điều hành của cả Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ vừa qua.

4. Hạn chế, khuyết điểm:

Bên cạnh những thành tựu đạt được, Hội đồng quản trị cũng nhận thấy còn tồn tại một số hạn chế, khuyết điểm chưa được khắc phục trong nhiệm kỳ vừa qua, đó là:

- Cơ chế thu hút cán bộ chưa có sức hấp dẫn, do đó chưa thu hút được nhiều cán bộ giỏi, có năng lực chuyên môn gắn bó lâu dài với Công ty;
- Chưa có biện pháp khắc phục triệt để tình trạng lập kế hoạch chưa sát với thực tế làm hạn chế tính chủ động trong điều hành và tổ chức sản xuất.

5. Kết luận:

Qua 5 năm, với sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị cùng với sự đoàn kết thống nhất của tập thể người lao động, Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn và đã đạt nhiều thành quả đáng khích lệ, đồng thời từng bước tạo tiền đề để phát triển bền vững trong tương lai.

Với kinh nghiệm tích lũy về quản trị và điều hành trong nhiệm kỳ qua, Hội đồng quản trị tin rằng trong nhiệm kỳ mới Công ty sẽ tiếp tục đạt được được kết quả tốt, phấn đấu là đơn vị mạnh trong ngành bảo vệ thực vật của thành phố và cả nước.



II. ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU NHIỆM KỲ 2018-2022

1. Mục tiêu chung:

Đảm bảo tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận trên 5% qua các năm, phấn đấu giữ vững top 10 trong hệ thống các doanh nghiệp cùng ngành bảo vệ thực vật.

Tiếp tục củng cố và phát huy sự tin nhiệm của khách hàng với thương hiệu SPC. Phát triển kênh phân phối, mở rộng thị trường nước ngoài, nâng cao và giữ vững chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo sự tăng trưởng các chỉ số tài chính.

Nâng cao hơn nữa công tác quản lý tài chính, xây dựng lại các chính sách bán hàng phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

Đẩy mạnh công tác quản trị nguồn nhân lực nhằm đảm bảo đủ nguồn nhân sự kế thừa cấp cao và cấp trung. Tập trung công tác đào tạo, nâng cao tay nghề nguồn nhân lực hiện tại nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất của đơn vị trong thời kỳ mới.

2. Các chỉ tiêu chính trong nhiệm kỳ III (2018-2022):

Chỉ tiêu sau khi đã hợp nhất Công ty cổ phần Thương Mại Mộc Hóa (MJC)

TT	Chỉ tiêu	Dvt	2018	2019	2020	2021	2022
1	Giá trị sản lượng	Tr.đ	716,700	716,700	733,035	781,187	821,246
2	Doanh thu	Tr.đ	1,236,000	1,236,000	1,297,800	1,362,690	1,430,825
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	51,311	51,311	53,876	56,570	59,399
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	38,900	38,900	40,845	42,887	45,032
5	Vốn Điều lệ	Tr.đ	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300
6	Tỷ suất LN/Vốn ĐL	%	37%	37%	39%	41%	43%
7	Cổ tức	%	17%	17%	18%	19%	20%

Chỉ tiêu chưa hợp nhất Công ty cổ phần Thương Mại Mộc Hóa (MJC)

TT	Chỉ tiêu	Dvt	2018	2019	2020	2021	2022
1	Giá trị sản lượng	Tr.đ	716,700	716,700	733,035	781,187	821,246
2	Doanh thu	Tr.đ	950,000	950,000	997,500	1,047,375	1,099,744
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	48,111	48,111	50,516	53,042	55,694
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	36,500	36,500	38,325	40,241	42,253
5	Vốn Điều lệ	Tr.đ	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300
6	Tỷ suất LN/Vốn ĐL	%	35%	35%	36%	38%	40%
7	Cổ tức	%	17%	17%	18%	19%	20%

3. Giải pháp thực hiện:

Tăng cường công tác quản lý, giám sát chi đạo các hoạt động của Ban điều hành, nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả nghị quyết của Đại hội cổ đông giao phó, chi đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm giữ vững sự ổn định và phát triển bền vững, tiếp tục nâng cao hiệu quả kinh doanh thông qua các giải pháp sau:

- Về tổ chức – quản trị: Nâng cao chất lượng bộ máy quản trị điều hành của HĐQT-BĐH, tăng cường vai trò của HĐQT và BKS trong nhiệm kỳ mới. Xây dựng và cụ thể hóa chương trình hành động của HĐQT, tiếp tục nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của Công ty, kiện toàn các quy chế, quy trình, quy định của Công ty phù hợp với tình hình kinh doanh và quy định của pháp luật.
- Về thị trường, sản phẩm: phát triển kênh phân phối đi đôi với phát triển sản phẩm nhằm đa dạng hóa các sản phẩm của công ty. Tập trung đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, tăng cường phát triển hệ thống phân phối, đặc biệt là thị trường Campuchia và Myanmar và sẽ tiếp tục mở rộng sang thị trường Banglades. Đẩy mạnh công tác truyền thông qua mạng internet trong công tác tiếp thị, xây dựng và quảng bá thương hiệu. Mở rộng ngành nghề kinh doanh như kinh doanh phân bón hữu cơ vi sinh, thức ăn gia súc, ... Tạo quan hệ gắn bó với hệ thống phân phối qua các chương trình khuyến mãi, tổ chức gặp gỡ, hội thảo như chương trình bốc thăm trúng thưởng, đồng hành cùng SPC...
- Về quản trị rủi ro: đẩy mạnh công tác thu hồi nợ, xây dựng các chính sách bán hàng, lương, thưởng phạt nhằm tăng doanh số và hạn chế nợ xấu của Công ty. Đánh giá lại hệ thống phân phối hiện tại, đặc biệt là các đại lý có tiềm năng hoặc đại lý có nguy cơ về tài chính để điều chỉnh kịp thời; Mở rộng hệ thống đại lý cấp 2, các đại lý bán hàng trực tiếp cho nông dân để giảm rủi ro về tài chính.
- Về quản trị nguồn nhân lực: phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao bằng chính sách thu hút, đào tạo, đặc biệt là đối với các CB CNV có năng lực, có tâm huyết gắn kết với Công ty, mặt khác Công ty sẽ xây dựng chính sách lao động tiền lương hợp lý, thỏa đáng để thu hút chất xám. Tập trung phát triển đội ngũ kinh doanh, bác sĩ cây trồng nhằm phát triển doanh số, thương hiệu SPC tạo sự tin nhiệm của khách hàng. Tuyển dụng nhân sự có trình độ chuyên môn phù hợp, có chất lượng cao.
- Về nghiên cứu phát triển sản phẩm mới: đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới có nguồn gốc sinh học, thân thiện với môi trường, tạo ra sản phẩm khác biệt với các sản phẩm của đối thủ cạnh tranh. Đẩy mạnh công tác đăng ký, phát triển sản phẩm mới thay thế sản phẩm bị cấm kinh doanh theo qui định của Cục BVTV.
- Về công tác đầu tư: tập trung đầu tư máy móc thiết bị có công nghệ vượt trội, năng suất cao để tăng năng suất đáp ứng được nhu cầu thị trường và cho ra các sản phẩm có chất lượng.

Sau gần 30 năm phát triển, nhiệm kỳ 2018-2022 sẽ là giai đoạn vô cùng quan trọng để SPC tiếp tục khẳng định sự phát triển vững mạnh của mình. Hội đồng quản trị tin rằng, với sự quan tâm, ủng hộ của Quý vị cổ đông, với sự thống nhất chi đạo và điều hành của HĐQT, BKS, Ban điều hành, sự hỗ trợ nhiệt tình của các cơ quan ban ngành có liên quan, các khách hàng và tinh thần phấn đấu, đoàn kết của tập thể CBCNV, Công ty SPC sẽ tiếp tục phát triển vững mạnh, trở thành một trong những Công ty nông nghiệp hàng đầu tại Việt Nam.



BAN KIỂM SOÁT

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2013-2017

1. Tổ chức nhân sự của BKS:

Ban kiểm soát có 03 thành viên, trong nhiệm kỳ 2013-2017 đã có sự bổ sung, thay thế 02 thành viên :

+ Ông Trần Đình Vũ : Trưởng ban (Bổ nhiệm tháng 01/2016)

+ Bà Mai Thị Lệ Khuyên : Thành viên

+ Bà Lương Thanh Huyền : Thành viên (Bổ nhiệm tháng 04/2016)

+ Bà Võ Ngọc Lan Chi (Từ nhiệm tháng 04/2016)

+ Nguyễn Công Khải (Từ nhiệm tháng 01/2016)



Trong 03 thành viên thì có 01 thành viên là hoạt động chuyên trách (Trưởng ban), các thành viên khác hoạt động kiêm nhiệm.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ 2013-2017

- Tham gia đầy đủ các Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty.
- Tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến với HĐQT về những vấn đề trong chương trình cuộc họp.
- Xem xét việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đối với việc ban hành các văn bản của HĐQT : Biên bản cuộc họp, Nghị quyết, quyết định, quy chế Đảm bảo các văn bản của HĐQT được ban hành đúng tình tự,

thủ tục quy định của pháp luật, đúng thẩm quyền và đáp ứng kịp thời các hoạt động của Ban điều hành.

- Tham gia các cuộc họp quan trọng của Ban giám đốc.
- Thẩm định các Báo cáo tài chính năm và 06 tháng của Công ty.
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty theo các quy định của pháp luật và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Đề xuất công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét các Báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm của Công ty, tham gia làm việc cùng công ty kiểm toán độc lập, xem xét, kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm của đơn vị. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.



3. Nhận xét, đánh giá chung



Ưu điểm:

- Các thành viên Ban kiểm soát luôn thể hiện tinh thần độc lập, khách quan và tôn trọng pháp luật trong công tác giám sát mọi hoạt động của Công ty.
- Các thành viên Ban kiểm soát nỗ lực bám sát chức năng, nhiệm vụ của Ban, theo sát tình hình hoạt động của Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng, đề xuất các giải pháp khắc phục, góp phần đảm bảo cho các hoạt động của Công ty an toàn, hiệu quả và tuân thủ luật pháp.
- Ban kiểm soát phối hợp tốt với HĐQT, Ban điều hành, các phòng ban chức năng và các cá nhân liên quan trong quá trình thực hiện công việc.

Tồn tại, hạn chế:

- Công tác kiểm tra, giám sát còn tập trung nhiều về khía cạnh tài chính, các lĩnh vực khác (nhân sự, tổ chức bộ máy...) chưa được quan tâm đầy đủ, do đặc thù quy mô tổ chức và hoạt động của Công ty khá lớn, nhiều ngành nghề trong khi nhân sự của Ban kiểm soát hầu hết là hoạt động kiêm nhiệm.
- Trong nhiệm kỳ 2013-2017, Ban kiểm soát chưa thực hiện được nhiều cuộc kiểm tra, kiểm soát trực tiếp tại các đơn vị chi nhánh do địa bàn trải dài rộng khắp cả nước.
- Trong thực hiện nhiệm vụ, chưa có sự phối hợp đồng bộ với hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty để nâng cao chất lượng các cuộc kiểm tra, giám sát.

4. Đánh giá hoạt động của HĐQT và BDH nhiệm kỳ II (2013-2017)

- HĐQT đã tổ chức đầy đủ các kỳ họp định kỳ quý, năm và bất thường theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị cũng đã thông qua nhiều quyết định bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. BKS đánh giá hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ vừa qua là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty.
- Hội đồng quản trị đã ban hành kịp thời các Quy định, các Quy chế và các văn bản mới để áp dụng vào thực tiễn theo quy định của Tổng công ty và phù hợp với luật doanh nghiệp và luật pháp Việt Nam.
- HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. HĐQT đã phối hợp tốt cùng Ban điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty góp phần quan trọng vào việc thực hiện sản xuất kinh doanh hàng năm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ. Trong nhiệm kỳ 2013-2017, công ty hoàn thành các chỉ tiêu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ (Doanh thu, lợi nhuận, cổ tức...).



Một số chỉ tiêu tài chính đạt được trong nhiệm kỳ II (2013-2017):

DVT : triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017
1	Doanh thu	856.805	880.369	872.207	863.495	1.229.075
2	Lợi nhuận trước thuế	31.272	32.193	37.908	42.787	50.643
3	Lợi nhuận sau thuế	19.949	22.451	28.028	30.858	38.201
4	Vốn điều lệ	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300
5	Tỷ suất LN/Vốn điều lệ	19%	21%	27%	29%	36%
6	Cổ tức	8%	10%	15%	15%	17%

Thực hiện theo Nghị quyết của ĐHDCĐ, HĐQT và ban điều hành đã chỉ đạo tích cực tìm kiếm các đối tác để chuyển nhượng các dự án không hiệu quả nhằm thu hồi vốn phục vụ hoạt động sản xuất chính của đơn vị :

+ Dự án tại Lào : Đã tiến hành chuyển nhượng xong 4/5 dự án và đa số máy móc thiết bị nông nghiệp với tổng giá trị thu hồi tương đương 18 tỷ đồng. (Nghị quyết ĐHDCĐ 2014 tối thiểu là 16,5 tỷ đồng)

+ Dự án siêu thị Nông nghiệp tại Kiên Giang : giá trị thu hồi của dự án là 7 tỷ đồng.

Ngoài ra, việc thanh lý các dự án Hoa Dasar, Sokimex, chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Nông dược HAI cũng được tiến hành đúng thời điểm, mang lại giá trị thu hồi tốt nhất cho công ty.



II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NHIỆM KỲ III (2018-2022)

- Ban kiểm soát thay mặt cho cổ đông thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trên cơ sở các quy định của pháp luật, điều lệ công ty.
- Theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHDCĐ qua các năm.
- Kiểm soát tình hình kinh doanh của Công ty, xem xét tiến độ hoạt động của các dự án, tình hình sử dụng nguồn vốn công ty, tình hình quản lý công nợ, hàng hóa tồn kho, các báo cáo định kỳ...
- Kiểm tra việc thực hiện và chấp hành các Quy chế, Quy trình khi mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ, quản lý vật tư hàng hóa, công nợ, chi phí và đầu tư của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót. Từ đó đưa ra những kiến nghị, đề xuất với HĐQT và Ban giám đốc.
- Kiểm tra công tác kiểm kê, việc ghi chép sổ sách, hạch toán chi phí, lưu trữ chứng từ tại các Phòng/Ban Công ty.
- Phối hợp cùng kiểm soát nội bộ để thực hiện các công việc kiểm tra, kiểm soát tại văn phòng công ty và các chi nhánh nhằm nâng cao chất lượng các cuộc kiểm tra.
- Thẩm định các báo cáo tài chính, đánh giá phân tích tình hình tài chính cũng như việc bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu một cách trung thực và khách quan.
- Kiểm soát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
- Phối hợp với các phòng ban chức năng của Công ty kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thông qua chương trình kiểm toán và trực tiếp tham gia quyết toán hàng năm của Công ty kiểm toán độc lập.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng và đại diện cổ đông lớn trong việc tổ chức thực hiện kiểm tra các vấn đề được nêu trong đơn thư khiếu nại, tố cáo (nếu có).
- Thông báo và gửi kiến nghị đến HĐQT, Ban giám đốc về kết quả các đợt kiểm tra.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

AIS

ACCOMPANY WITH BUSINESS

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Thông tin chung về Công ty**Thành lập:**

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300632232 lần đầu ngày 14 tháng 6 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 11/01/2017.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.**Hoạt động kinh doanh của Công ty:** các hoạt động chính.

- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp.
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).
- Mua bán phân bón, thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật.

Tên tiếng anh: SAI GON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY**Tên viết tắt:** SPC JSC**Mã chứng khoán:** SPC (UPCOM)**Trụ sở chính:** Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TpHCM.**2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:**

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Thị Phương	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 20/02/2017)
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Thành viên
Ông Đặng Thanh Cương	Thành viên
Ông Nguyễn Nhật Thông	Thành viên (bổ nhiệm ngày 08/04/2017)
Bà Nguyễn Thị Thúy	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Trần Đình Vũ	Trưởng ban
Bà Mai Thị Lệ Khuyến	Thành viên
Bà Lương Thanh Huyền	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Quốc Dũng	Giám Đốc
Ông Điều Quang Trung	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Bích	Phó Giám đốc
Bà Bùi Thị Ánh Tuyết	Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau: Ông Nguyễn Quốc Dũng Giám Đốc

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2018

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Quốc Dũng
Thành viên Hội đồng Quản trị



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited
Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: A.0617266.CN.HN/AISC-DN3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn, được lập ngày 14 tháng 3 năm 2018, từ trang 04 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Vinh
Số GCNĐKHNKT: 112-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN



Lê Thị Thanh Tâm
Số GCNĐKHNKT: 3199-2015-05-01
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Ho Nai: 6 Floor, 36 Hoa Binh 4 St., Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Ho Nai
Branch in Da Nang: 360 Hai Phong St., Thanh Khue Dist., Da Nang City
Representative in Can Tho: 243/7A, 30/4 St., Ninh Kiều Dist., Can Tho City
Representative in Hai Phong: 18 Hoàng Văn Thụ St., Hồng Bàng Dist., Hai Phong



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		739.707.932.435	536.010.914.919
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	70.528.073.514	91.406.420.924
1. Tiền	111		57.528.073.514	78.406.420.924
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	13.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	474.361.200
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	1.837.670.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(1.363.308.800)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		192.716.874.472	242.123.278.789
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	199.352.986.389	256.543.917.236
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	9.725.844.907	3.048.659.862
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.5	844.990.472	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	10.085.773.158	30.233.817.045
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3,6	(27.467.100.825)	(47.770.918.906)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		174.380.371	67.803.552
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	452.588.917.292	196.003.189.466
1. Hàng tồn kho	141		472.807.673.297	215.397.534.676
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(20.218.756.005)	(19.394.345.210)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.874.067.157	6.003.664.540
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.14	1.264.780.602	589.436.167
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		22.442.435.396	5.414.228.373
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		166.851.159	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 4

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		61.985.213.545	55.833.873.023
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		881.635.865	448.435.865
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	881.635.865	448.435.865
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		31.075.410.564	22.152.372.878
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	22.862.906.396	16.533.449.040
- Nguyên giá	222		124.535.210.453	117.164.631.491
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(101.672.304.057)	(100.631.182.451)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	2.172.427.084	2.676.396.028
- Nguyên giá	225		3.023.813.590	3.023.813.590
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(851.386.506)	(347.417.562)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	6.040.077.084	2.942.527.810
- Nguyên giá	228		9.086.423.802	4.142.451.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.046.346.718)	(1.199.923.440)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13	2.532.937.021	2.826.853.288
- Nguyên giá	231		4.547.579.823	4.532.738.659
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.014.642.802)	(1.705.885.371)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	1.063.700.409	565.706.880
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.063.700.409	565.706.880
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	3.935.797.691	11.210.325.089
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.123.514.981	11.210.325.089
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(187.717.290)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		22.495.731.995	18.630.179.023
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	18.770.418.750	18.630.179.023
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.23	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		3.725.313.245	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		801.693.145.980	591.844.787.942

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 5

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		596.550.805.757	413.787.574.620
I. Nợ ngắn hạn	310		583.278.144.475	402.605.394.419
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.15	453.411.705.816	300.656.634.563
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	684.730.280	690.396.987
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	1.875.516.925	3.345.661.124
4. Phải trả người lao động	314		32.894.593.914	31.973.963.521
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	3.480.843.463	1.876.622.765
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	852.422.500	2.950.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	18.208.137.864	18.658.777.241
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	68.399.813.159	38.355.683.218
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	3.306.907.000	4.097.655.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		163.473.554	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		13.272.661.282	11.182.180.201
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20	4.068.254.000	4.348.254.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	3.121.400.529	1.507.329.972
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.23	6.083.006.753	5.326.596.229
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 6

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		205.142.340.223	178.057.213.322
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	205.142.340.223	178.057.213.322
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		105.300.000.000	105.300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		105.300.000.000	105.300.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.589.597.706	782.715.818
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		8.455.532.463	8.372.019.776
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.457.814.213	21.458.634.818
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.445.262.600	42.143.842.910
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.041.431.625	11.285.127.916
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		37.403.830.975	30.858.714.994
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		9.894.133.241	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		801.693.145.980	591.844.787.942

NGƯỜI LẬP BIỂU

Bùi Thị Diễm Phúc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bùi Thị Ánh Tuyết

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Dũng

TP Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 7

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.257.826.840.460	882.626.198.282
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	28.751.244.956	19.131.035.559
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.229.075.595.504	863.495.162.723
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	988.852.144.470	660.672.214.886
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		240.223.451.034	202.822.947.837
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	8.801.602.661	5.554.098.846
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	19.216.030.341	19.569.197.647
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.821.325.006	3.873.075.278
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	43.082.652
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	153.286.949.027	134.029.547.264
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	36.984.732.084	23.621.555.083
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		39.537.342.243	31.199.829.341
12. Thu nhập khác	31	VI.8	11.881.505.050	12.251.073.047
13. Chi phí khác	32	VI.9	775.780.500	663.776.166
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		11.105.724.550	11.587.296.881
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		50.643.066.793	42.787.126.222
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	11.685.557.495	12.737.629.142
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.12	756.410.525	(809.217.914)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		38.201.098.773	30.858.714.994
Cổ đông của Công ty mẹ	61		37.403.830.975	30.858.714.994
Cổ đông không kiểm soát	62		797.267.798	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.13	3.552	2.309
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	3.552	2.309

TP Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Bùi Thị Diễm Phúc

Bùi Thị Ánh Tuyết

Nguyễn Quốc Dũng

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 8

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		50.643.066.793	42.787.126.222
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10-13	6.751.544.814	6.626.626.225
- Các khoản dự phòng	03		2.015.318.299	9.976.022.611
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		686.218.023	971.560.053
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(651.815.162)	(1.049.270.368)
- Chi phí lãi vay	06	VI.6	3.744.256.780	3.263.400.121
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		63.188.589.546	62.575.464.864
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		50.590.841.718	(20.824.183.284)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(257.410.138.621)	12.799.584.333
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		123.606.522.006	72.252.109.624
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(815.584.162)	(672.199.014)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		1.837.670.000	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.744.256.780)	(3.263.400.121)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.044.045.482)	(15.472.356.818)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		4.752.304.428	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(11.238.225.278)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(29.038.097.347)	96.156.794.305
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(3.167.564.856)	(2.514.688.123)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		381.905.351	5.905.694.986
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.485.872.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.524.400.000	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.322.802.366	1.188.849.977
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.424.329.139)	4.579.856.840

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 9



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		365.417.487.618	231.757.912.324
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(333.007.845.692)	(267.589.629.446)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(751.441.428)	(428.579.276)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.615.600.350)	(19.221.656.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		15.042.600.148	(55.481.952.648)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		(20.419.826.338)	45.254.698.497
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		91.406.420.924	45.937.234.582
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(458.521.072)	214.487.845
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		70.528.073.514	91.406.420.924

Tp Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Diễm Phúc

Bùi Thị Ánh Tuyết



Bùi Thị Diễm Phúc

Bùi Thị Ánh Tuyết

Nguyễn Quốc Dũng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập:

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300632232 lần đầu ngày 14 tháng 6 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 11/01/2017.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

3. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất, kinh doanh thương mại.

4. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là :

- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp.
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).
- Mua bán phân bón, thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2017: 496 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2016: 496 nhân viên)

7. Cấu trúc doanh nghiệp

7.1 Tổng số các Công ty con:

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 03 công ty con.

7.2 Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có ba (03) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Lào (*)	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Cambodia	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa	Cung ứng XK lao động, môi giới thương mại, kinh doanh hàng nông sản, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.	61,73%	61,73%	61,73%

(*) Tại thời điểm hiện tại, Công ty vẫn tiếp tục duy trì lĩnh vực kinh doanh Thuốc Bảo vệ Thực vật. Tất cả các khoản lỗ của Công ty con này đã được Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn dự phòng đầy đủ theo quy định hiện hành.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 11

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.3 Danh sách các cơ sở liên kết, liên doanh:

Công ty có các cơ sở liên doanh, liên kết sau:

- Hộ kinh doanh Shopping Centre Kiến Tường
- Cơ sở Sản xuất Nước Việt

7.4 Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Chi nhánh Hà Nội	TP. Hà Nội	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Bạc Liêu	Tỉnh Bạc Liêu	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Trạm dịch vụ Bảo vệ thực vật	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Cần Thơ	TP. Cần Thơ	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Xi nghiệp Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Tân An	Tỉnh Long An	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh An Giang	Tỉnh An Giang	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Myanmar	Số H101, FMI City, Quận Hlaingtharya, Thành phố Yangon, Myanmar	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

Công ty áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các Công ty con.

Các báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại (hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ) phát sinh từ giao dịch mua Công ty con là chênh lệch giữa giá phi khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa không quá 10 năm. Định kỳ, Công ty đánh giá lại tổn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty con

* Khi Công ty tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của 4 Ngân hàng HSBC, ngân hàng Nông nghiệp, ngân hàng BIDV, ngân hàng Vietin. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2017: 22.670 VND/USD.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của bình quân của 4 Ngân hàng HSBC, ngân hàng Nông nghiệp, ngân hàng BIDV, ngân hàng Vietin. Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 31/12/2017: 22.746 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 14

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nhân công chính.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

7.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 15

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh từ thời điểm mà tài sản vô hình đáp ứng được định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định vô hình đến khi tài sản được đưa vào sử dụng.

7.3 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính: Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

7.4 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	06- 25 năm
<i>Máy móc, thiết bị</i>	06- 25 năm

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 16

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<i>Phương tiện vận tải</i>	05 - 10 năm
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	03 - 08 năm
<i>Tài sản cố định hữu hình khác</i>	03 năm
<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	03 năm
<i>Quyền sử dụng đất</i>	45 năm
<i>Phần mềm vi tính</i>	03 năm

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; quyền sử dụng đất.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư: được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư: Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như: phí dịch vụ tư vấn về pháp luật liên quan, thuế trước bạ, các chi phí liên quan khác.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá thành thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy Bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Công ty đánh giá giảm nguyên giá Bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán. Khi Bất động sản đầu tư tăng trở lại thì Công ty thực hiện hoàn nhập tối đa bằng số đã ghi giảm trước đây.

Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư như sau:

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	10 năm
---------------------------------	--------

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước; tiền thuê kho; chi phí phần mềm máy tính; chi phí khác.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 17

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (44 năm).

11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi vay, chi phí chiết khấu khuyến mại đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận, thông báo khuyến mại của công ty.

15. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả chi được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc niên độ.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm dự phòng phải trả xử lý hóa chất bảo vệ thực vật quá hạn sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu đối với giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo chương trình dành cho khách hàng truyền thống

Doanh thu được ghi nhận là tổng số tiền phải thu hoặc đã thu trừ đi giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua. Giá trị của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện.

Khi hết thời hạn của chương trình mà người mua không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng hàng hóa dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu giảm giá, khoản doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.

Khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình, khoản doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ khi người mua đã nhận được hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc được chiết khấu, giảm giá theo quy định của chương trình.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán trong kỳ được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 20

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chính sách thuế theo phương pháp điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau: thuế suất 20%.

21. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

22. Công cụ tài chính:

Ghi nhận ban đầu:

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuận, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 21

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

24. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2017	01/01/2017
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền	57.528.073.514	78.406.420.924
Tiền mặt	21.832.161.737	25.360.069.197
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.695.911.777	53.046.351.727
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	13.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	13.000.000.000	13.000.000.000
Cộng	70.528.073.514	91.406.420.924

2. Các khoản đầu tư tài chính: xem trang 43.

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	199.352.986.389	(25.064.407.900)	256.543.917.236	(22.684.739.900)
Đại lý SEAR KIM SRU	1.641.387.303	-	8.646.580.244	-
Đại lý LIM KUON HENG	4.923.777.926	-	11.001.893.671	-
Đại lý CHHUN HONG	1.548.839.341	-	8.899.833.715	-
Các khoản phải thu khách hàng khác (*)	191.238.981.819	(25.064.407.900)	227.995.609.605	(22.684.739.900)
Cộng	199.352.986.389	(25.064.407.900)	256.543.917.236	(22.684.739.900)

(*) Các khoản phải thu khách hàng đến ngày 31/12/2017 được dùng làm tài sản thế chấp vay ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 172/2015-HĐTC/NHCT902-SPC ngày 30/09/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
4. Trả trước cho người bán	9.725.844.907	-	3.048.659.862	-
Ngắn hạn				
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Bạch Hạc	2.770.000.000	-	-	-
+ Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Hà Huy	352.800.000	-	957.600.000	-
+ S.a Ajinomoto Omnicem N.v	-	-	1.053.360.000	-
+ Shine Resources Ltd	-	-	273.348.020	-
+ Công ty TNHH Xây dựng Thương mại & Dịch vụ Cầu Vòng	-	-	381.000.000	-
+ Các nhà cung cấp khác	6.603.044.907	-	383.351.842	-
Cộng	9.725.844.907	-	3.048.659.862	-

	31/12/2017	01/01/2017
5. Phải thu nội bộ		
Ngắn hạn		
Chi phí văn phòng Myanmar	844.990.472	-
Cộng	844.990.472	-

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
6. Phải thu khác	10.085.773.158	(2.402.692.925)	30.233.817.045	(25.086.179.006)
a. Ngắn hạn				
Phải thu BHXH	56.593.116	-	9.184.461	-
Phải thu quỹ khen thưởng phúc lợi	353.461.789	-	1.951.161.106	-
Ký cược, ký quỹ	194.107.763	-	1.317.104.006	-
Tạm ứng	3.724.381.656	(37.944.727)	1.273.093.701	(4.215.393)
Công ty TNHH Mosanto Thailand (*)	-	-	22.813.197.000	(22.813.197.000)
Phải thu Công ty TNHH Dekalb Việt Nam mượn hàng (*)	-	-	1.517.247.000	(1.517.247.000)
Phải thu về chi hộ Công ty TNHH Dekalb Việt Nam (*)	-	-	704.195.213	(704.195.213)
+ Chi phí vận chuyển	-	-	98.656.600	(98.656.600)
+ Chi phí tài chế hàng hộ Dekalb	-	-	605.148.613	(605.148.613)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ Cho mượn hàng và chi hệ bằng sản phẩm cho các chương trình khuyến mãi (3 mặt hàng C991, DK9901, DK414)

Phải thu khác	5.757.228.834	(2.364.748.198)	648.634.558	(47.324.400)
b. Dài hạn	881.635.865	-	448.435.865	-
Ký cược, ký quỹ	881.635.865	-	448.435.865	-
Cộng	10.967.409.023	(2.402.692.925)	30.682.252.910	(25.086.179.006)

(* Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 33/NQ-BVTVSG-HDQT ngày 02/11/2017, công nợ phải thu khó đòi của Công ty Monsanto Thái Lan - Dekalb Việt Nam với giá trị 25.034.639.213 VND được thông qua Hội đồng Quản trị xử lý tất toán công nợ.

7. Nợ khó đòi: xem trang 44.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	1.469.340.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	226.620.590.079	(901.994.892)	102.480.615.956	(9.720.253.156)
Công cụ, dụng cụ	376.999.147	-	415.460.473	-
Thành phẩm	184.225.705.055	(18.952.007.796)	91.020.863.021	(9.362.405.059)
Hàng hoá	60.115.039.016	(364.753.317)	21.480.595.226	(311.686.995)
Cộng	472.807.673.297	(20.218.756.005)	215.397.534.676	(19.394.345.210)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 12.565.825.046 VND.

Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: hàng tồn kho mất phẩm chất chủ yếu là hàng cận hạn, quá hạn sử dụng, hàng hư hỏng (bể chai, bao bì bị bục xỉ...)... Các hàng tồn kho là hóa chất sẽ được Công ty thuê ngoài để xử lý đúng theo quy định của Bộ Tài nguyên môi trường về xử lý chất thải nguy hại, riêng đối với các công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu khác sẽ được Công ty tận dụng hoặc bán thanh lý.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm (xem thuyết minh số V.21 - Vay và nợ thuê tài chính)

- Lý do dẫn đến việc trích lập thêm dự phòng: giá của nguyên liệu vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa giảm tại 31/12/2017.

9. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Xây dựng cơ bản dở dang	1.063.700.409	-	565.706.880	-
Dự án Kho Long An	407.320.574	-	407.320.574	-
Dự án kho mở rộng Cần Thơ	158.386.306	-	158.386.306	-

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 24

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công trình phục vụ nông nghiệp dự án 7,3ha KP 10, P12, TX. Kiến Tường	68.867.550	-	-	-
Dự án kho thành phẩm 36MX78 M ở Xi Nghiệp Hiệp Phước	429.125.979	-	-	-
Cộng	1.063.700.409	-	565.706.880	-

10. Tài sản cố định hữu hình: xem trang 45.

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	3.023.813.590	3.023.813.590
Số dư cuối năm	3.023.813.590	3.023.813.590
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	347.417.562	347.417.562
Khấu hao trong năm	503.968.944	503.968.944
Số dư cuối năm	851.386.506	851.386.506
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	2.676.396.028	2.676.396.028
Số dư cuối năm	2.172.427.084	2.172.427.084

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.213.389.900	395.886.350	533.175.000	4.142.451.250
Tăng khác	4.786.580.034	157.392.518	-	4.943.972.552
Số dư cuối năm	7.999.969.934	553.278.868	533.175.000	9.086.423.802
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	270.862.090	395.886.350	533.175.000	1.199.923.440
Khấu hao trong năm	364.719.648	38.835.325	-	403.554.973
Tăng khác	1.324.311.112	118.557.193	-	1.442.868.305
Số dư cuối năm	1.959.892.850	553.278.868	533.175.000	3.046.346.718
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	2.942.527.810	-	-	2.942.527.810
Số dư cuối năm	6.040.077.084	-	-	6.040.077.084

* Giá trị còn lại của TSCDVH đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: 4.418.947.892 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.086.453.868 VND.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 25

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	4.532.738.659	4.532.738.659
Chênh lệch do chuyển đổi BCTC	14.841.164	14.841.164
Số dư cuối năm	4.547.579.823	4.547.579.823
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	1.705.885.371	1.705.885.371
Khấu hao trong năm	303.171.995	303.171.995
Chênh lệch do chuyển đổi BCTC	5.585.437	5.585.437
Số dư cuối năm	2.014.642.802	2.014.642.802
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	2.826.853.288	2.826.853.288
Số dư cuối năm	2.532.937.021	2.532.937.021

Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa cho thuê tại Huyện Bachieng, tỉnh Champasak, Quốc gia Lào.

14. Chi phí trả trước

	31/12/2017	01/01/2017
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	1.264.780.602	589.436.167
+ Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	921.925.524	426.794.683
+ Chi phí bảo hiểm	10.426.293	9.923.112
+ Chi phí thuê kho	124.272.722	129.145.453
+ Chi phí phần mềm máy tính chờ phân bổ	-	23.572.919
+ Các khoản khác	208.156.063	-
b. Chi phí trả trước dài hạn	18.770.418.750	18.630.179.023
Chi phí thuê đất Hiệp Phước (*)	15.334.730.255	15.799.419.047
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	378.738.998	273.835.793
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.961.265.366	1.940.806.693
Chi phí cải tạo đất thuê tại Lào	561.780.502	592.885.167
Các chi phí khác	533.903.629	23.232.323
Cộng	20.035.199.352	19.219.615.190

(*) Đây là khoản chi phí thuê đất trả trước cho diện tích 42.123 m2 thuộc lô C1 - C2 tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất số 80/HĐTD.05 ngày 27/06/2015 và Phụ lục hợp đồng số 09 ngày 28/07/2008 giữa Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn và Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp Tân Thuận, thời hạn thuê là 44 năm tính từ ngày 27 tháng 06 năm 2005.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Phải trả người bán *

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	453.411.705.816	453.411.705.816	300.656.634.563	300.656.634.563
+ Kolon Global Corporation	31.498.888.260	31.498.888.260	27.585.397.616	27.585.397.616
+ Nongfeng Agrochem Co.,Ltd	166.990.356.992	166.990.356.992	132.499.240.240	132.499.240.240
+ Changzhou Eastchem International	116.698.034.556	116.698.034.556	29.013.281.952	29.013.281.952
+ Công ty TNHH TM & SX Nam Long Phát	20.154.216.494	20.154.216.494	17.192.274.409	17.192.274.409
+ Forward International LTD	17.377.944.000	17.377.944.000	2.670.101.760	2.670.101.760
+ Long Fat Global Co., LTD	11.746.261.860	11.746.261.860	8.790.908.800	8.790.908.800
+ Jiangsu Sinamyang Import & Export Co., Ltd	864.348.000	864.348.000	15.284.577.130	15.284.577.130
+ Phải trả các đối tượng khác	88.081.655.654	88.081.655.654	67.620.852.656	67.620.852.656
Cộng	453.411.705.816	453.411.705.816	300.656.634.563	300.656.634.563

16. Người mua trả tiền trước

	31/12/2017	01/01/2017
Ngắn hạn	684.730.280	690.396.987
+ Hồ Văn Thiện	470.245.935	-
+ Phạm Trường Giang	-	300.871.200
+ Cửa hàng thuốc bảo vệ thực vật Thúy Sâm	-	230.861.263
+ Các khách hàng khác	214.484.345	158.664.524
Cộng	684.730.280	690.396.987

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Phải nộp	Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm	
	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017
Thuế giá trị gia tăng	1.301.490.532	166.732.058.334	167.550.769.017	482.779.848
Thuế xuất, nhập khẩu	122.688.000	4.275.586.256	4.398.274.256	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.338.136.212	12.528.946.259	12.939.028.321	928.054.150
Thuế thu nhập cá nhân	467.016.961	3.642.047.696	3.645.564.636	463.500.021
Các loại thuế khác	116.329.419	-	115.146.513	1.182.906
Cộng	3.345.661.124	187.178.638.544	188.648.782.743	1.875.516.925



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Chi phí phải trả	31/12/2017	01/01/2017
Ngắn hạn	3.480.843.463	1.876.622.765
Chi phí lãi vay	77.068.226	31.565.942
Trích trước chương trình bán hàng	3.359.647.292	1.845.056.823
Chi phí phải trả khác	44.127.945	-
Cộng	3.480.843.463	1.876.622.765
19. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2017	01/01/2017
Ngắn hạn		
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	852.422.500	2.950.000.000
Cộng	852.422.500	2.950.000.000
20. Phải trả khác	31/12/2017	01/01/2017
a. Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	120.830.481	-
Kinh phí công đoàn	704.375.705	762.173.152
Phải trả về chiết khấu thương mại	4.546.658.854	3.941.861.871
Phải trả lãi kỳ quỹ	286.536.528	275.882.665
Phải trả về hỗ trợ phí vận chuyển, thanh toán	176.978.380	48.595.060
Phải trả chiết khấu thanh toán	5.609.648.031	9.151.980.989
Phải trả CBCNV tiền bồi dưỡng độc hại	1.536.347.493	1.237.238.644
Phải trả về nhận đổi hàng cho khách hàng	1.740.753.633	1.647.995.452
Cổ tức phải trả	938.157.000	798.896.227
+ Công ty Cổ phần Nông dược H.A.I	214.500.000	107.250.000
+ Cổ đông khác	723.657.000	691.646.227
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.547.851.759	794.153.181
Cộng	18.208.137.864	18.658.777.241
b. Dài hạn		
Nhận kỳ quỹ, ký cược dài hạn	4.068.254.000	4.348.254.000
Cộng	4.068.254.000	4.348.254.000

21. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn				
Vay ngân hàng	68.399.813.159	68.399.813.159	38.355.683.218	38.355.683.218
+ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (1)	67.624.597.443	67.624.597.443	37.588.955.517	37.588.955.517
+ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (1)	1.419.849.600	1.419.849.600	-	-

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 28

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn - Chi nhánh Tp. HCM (2)	8.849.900.000	8.849.900.000	11.995.000.000	11.995.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Tp. HCM (3)	11.957.429.100	11.957.429.100	19.760.114.914	19.760.114.914
+ Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (4)	13.237.278.400	13.237.278.400	4.758.429.403	4.758.429.403
+ Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	-	-	1.075.411.200	1.075.411.200
+ Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (5)	32.160.140.343	32.160.140.343	-	-
Vay cá nhân (6)	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	705.215.716	705.215.716	696.727.701	696.727.701
+ Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam (7)	348.141.596	348.141.596	319.192.104	319.192.104
+ Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Vn - Sao Việt (8)	206.558.828	206.558.828	239.563.246	239.563.246
+ Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Vn - Song Hiệp Lợi (9)	150.515.292	150.515.292	137.972.351	137.972.351
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.121.400.529	3.121.400.529	1.507.329.972	1.507.329.972
Vay ngân hàng	2.374.000.000	2.374.000.000	-	-
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn - Chi nhánh Tp. HCM (10)	2.374.000.000	2.374.000.000	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	747.400.529	747.400.529	1.507.329.972	1.507.329.972
+ Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Vn - Sao Việt (11)	180.427.942	180.427.942	368.558.828	368.558.828
+ Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Vn - Song Hiệp Lợi (12)	155.532.534	155.532.534	318.590.767	318.590.767

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 29

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam (13)	411.440.053	411.440.053	820.180.377	820.180.377
Cộng	71.521.213.688	71.521.213.688	39.863.013.190	39.863.013.190

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng gồm các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
1. Thỏa thuận chung về tiện ích VNM160766 ngày 08/05/2017. Mục đích vay: thanh toán tiền hàng. Tổng hạn mức tiện ích: 7.000.000 USD và 1.350.000.000 VND.	1-4 tháng	5,17%	1.419.849.600	Thẻ chấp hàng tồn kho tại từng thời điểm theo hợp đồng VNM 091059/MS sửa đổi lần thứ 4 ngày 02/12/2014 và cầm cố tiền gửi theo hợp đồng cầm cố số VNM 110716/DUL.
2. Hợp đồng tín dụng 1700-LAV-201701371 ngày 03/10/2017. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án sản xuất kinh doanh. Hạn mức: 80 tỷ đồng.	7 tháng kể từ ngày nhận nợ	Theo từng giấy nhận nợ	8.849.900.000	Thẻ chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng số 1700-LCL-201500653-01 ngày 12/10/2016. Giá trị tài sản là 89.820.000.000 đồng.
3. Hợp đồng tín dụng số 216/2017-HĐTDHM/NHCT902-SPC ngày 18/10/2017. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Hạn mức: 150 tỷ đồng	6 tháng kể từ ngày nhận nợ	Theo từng giấy nhận nợ	11.957.429.100	- Thẻ chấp quyền tài sản theo hợp đồng số 172/2015-HĐTC/NHCT902-SPC ngày 30/09/2015. - Thẻ chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng số 025/2014/HĐTC-KHDN ngày 07/05/2014. - Thẻ chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng số 101/2013-HĐTC-KHDN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 30

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Văn bản số 338/2017/5778006/HĐT D ngày 28/04/2017 sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 383/2014/5778006/HĐ ngày 28/04/2014. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh mở L/C. Hạn mức: 150 tỷ đồng	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	13.237.278.400	Tín chấp
5. - Hợp đồng tín dụng số 01/2016/2888129/HĐTD ngày 17/3/2016 và sửa đổi bổ sung 01/2016/2888129/VBSD ngày 23/5/2016 và 01/2016/2888129/VBSD ngày 31/5/2016. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh mặt hàng xăng dầu, phân bón và bách hóa tổng hợp. Hạn mức: 35 tỷ đồng - Hợp đồng tín dụng số 01/2016/2888129/HĐTD ngày 05/01/2017. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh mặt hàng xăng dầu, phân bón và bách hóa tổng hợp. Hạn mức: 50 tỷ đồng	Không quá 05 tháng Theo từng hợp đồng	7,5% Theo từng giấy nhận nợ	32.160.140.343	Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: quyền sử dụng đất số U862263, U862262, số 21/CN-SXD, 22/CN-SXD, tài sản gắn liền với đất BD111029 trị giá 2.331.000.000 đồng. Giá trị quyền sử dụng hữu động sản: Phương tiện thủy nội địa LA-02400, LA-02401, xe ô tô tải MITSUBISHI biển số 62L-8711

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 31

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10.	Hợp đồng tín dụng 1700-LAV-201701181 ngày 28/08/2017. Mục đích vay: Xây dựng kho thành phẩm 36m x 78m tại Lô C1-C3, Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP.HCM Hạn mức: 11.700.000.000 đồng.	84 tháng	8,00%	2.374.000.000	Thẻ chấp tài sản hình thành trong tương lai theo hợp đồng số 1700-LCL-201701010 ngày 28/08/2017. Giá trị tài sản là 16.770.000.000 đồng.
-----	--	----------	-------	---------------	--

Thuyết minh khoản vay cá nhân

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo	
6.	Khoản vay cán bộ công nhân viên theo thông báo của Công ty ngày 11/05/2011	-	8,00%	70.000.000	Tín chấp

Thuyết minh các khoản nợ thuế tài chính

Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam gồm có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn thuê	Lãi suất	Số dư	Mục đích thuê	
7; 13	Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00196-000 ngày 09/10/2015. Hạn mức: 2.036.467.000 đồng.	48 tháng	8,20%	759.581.649	Mua tài sản - dây chuyền thiết bị nghiên cứu sản xuất thuốc bảo vệ thực vật dạng WP QYT-400
8; 11	Hợp đồng mua bán 3 bên số 02/VILC-SPC/2016 căn cứ trên hợp đồng cho thuê tài chính số 2016-00102-000 ngày 09/06/2016	36 tháng	8,38%	386.986.770	Mua thiết bị phân tích phân bố kích thước hạt horiba
9; 12	Mua máy chiết rót thuốc bảo vệ thực vật	36 tháng	8,38%	306.047.826	Mua máy chiết rót thuốc bảo vệ thực vật

c. Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán

Thời hạn	Năm 2017		Năm 2016	
	Trả lãi	Trả gốc	Trả lãi	Trả gốc
Từ 1 năm đến 5 năm	152.514.344	751.441.428	100.705.785	428.579.276
Cộng	152.514.344	751.441.428	100.705.785	428.579.276

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 32

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

d. Khoản vay cá nhân đối với các bên liên quan	31/12/2017		01/01/2017	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
- Nguyễn Quốc Dũng	54.000.000	-	54.000.000	-
Cộng	54.000.000	-	54.000.000	-

22. Dự phòng phải trả	31/12/2017	01/01/2017
Ngắn hạn		
Dự phòng phải trả khác (Chi phí xử lý hàng tồn kho hết niên hạn, kém phẩm chất đã được trích dự phòng)	3.306.907.000	4.097.655.000
Cộng	3.306.907.000	4.097.655.000

23. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31/12/2017	01/01/2017
---	------------	------------

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0	(0)
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định Giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.528.027.346	2.181.616.380
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(1.528.027.346)	(1.673.117.571)
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(508.498.809)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	6.083.006.753	5.326.596.229
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ đầu năm	5.326.596.229	6.135.814.143
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	756.410.525	-
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(300.719.105)
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	(508.498.809)
Cộng	6.083.006.753	5.326.596.229

24. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: xem trang 46.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2017	01/01/2017
Vốn góp Công ty mẹ-Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn-TNHH MTV	59,33%	62.470.200.000	62.470.200.000
Vốn góp của các cổ đông khác	40,67%	42.829.800.000	42.829.800.000
Cộng	100,00%	105.300.000.000	105.300.000.000

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 33

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2017	Năm 2016
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
Vốn góp của chủ sở hữu	105.300.000.000	105.300.000.000
Vốn góp đầu năm	105.300.000.000	105.300.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	105.300.000.000	105.300.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.014.568.400	15.795.000.000

	Năm 2017	Năm 2016
d. Cổ tức		
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường	15%	15%

	31/12/2017	01/01/2017
d. Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.530.000	10.530.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.530.000	10.530.000
Cổ phiếu phổ thông	10.530.000	10.530.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.530.000	10.530.000
Cổ phiếu phổ thông	10.530.000	10.530.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

	31/12/2017	01/01/2017
e. Các quỹ của doanh nghiệp		
Quỹ đầu tư phát triển	32.457.814.213	21.458.634.818
Cộng	32.457.814.213	21.458.634.818

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

	Năm 2017	Năm 2016
25. Chênh lệch tỷ giá		
Số dư đầu năm	8.372.019.776	7.509.500.175
Số tăng trong năm	83.512.687	862.519.600
+ Do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VND	83.512.687	862.519.600
Số giảm trong năm	-	-
Cộng	8.455.532.463	8.372.019.776

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2017	01/01/2017
a. Ngoại tệ các loại		
	Giá trị	Giá trị
USD	29.565,68	189.025,50
Cộng	29.565,68	189.025,50

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 34

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2017	01/01/2017
b. Nợ khó đòi đã xử lý		
	VND	VND
- Công ty TNHH Vinh Hiền	21.224.845	21.224.845
- Hợp tác xã Thịnh Phát	26.018.647	26.018.647
- Cửa hàng Văn Xinh	66.238.251	66.238.251
- Ông Trần Hoàng Nam	26.000.000	26.000.000
- Ông Giang Minh Tường	17.147.520	17.147.520
- Ông Đinh Đoàn Đơn Vương	12.975.674	12.975.674
- Ông Lê Thanh Tùng	12.339.549	12.339.549
- Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Minh Trí	21.889.448	21.889.448
- Các đối tượng khác	464.790.627	464.790.627
Cộng	668.624.561	668.624.561

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	1.254.545.551.362	882.626.198.282
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.281.289.098	-
Cộng	1.257.826.840.460	882.626.198.282

	Năm 2017	Năm 2016
b. Doanh thu đối với các bên liên quan		
Shopping Centre Kiến Tường	2.943.571.908	-
Cơ sở Sản xuất Nước Việt	31.323.744	-
Cộng	2.974.895.652	-

	Năm 2017	Năm 2016
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	16.138.249.662	-
Giảm giá hàng bán	156.320.542	7.635.071.980
Hàng bán bị trả lại	12.456.674.752	11.495.963.573
Cộng	28.751.244.956	19.131.035.559

	Năm 2017	Năm 2016
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	1.225.794.306.406	863.495.162.723
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.281.289.098	-
Cộng	1.229.075.595.504	863.495.162.723

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 35

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2017	Năm 2016
4. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hàng bán hàng hóa, thành phẩm	1.001.412.728.273	670.608.145.801
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.777.467.170	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	823.868.865	6.660.280.830
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	(15.161.919.838)	(16.596.211.745)
Cộng	988.852.144.470	660.672.214.886
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.232.732.684	376.411.777
Lãi tiền gửi kỳ quỹ	28.716.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	90.069.682	812.438.200
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.237.170.899	4.182.774.985
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.040.280.246	-
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.172.633.150	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	182.473.883
Cộng	8.801.602.661	5.554.098.846
6. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay và thuê tài chính	3.821.325.006	3.873.075.278
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	8.724.520.959	7.128.336.235
Lãi nhận kỳ quỹ, kỳ cược	197.977.732	209.041.262
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.718.690.998	6.851.335.664
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	686.218.023	971.560.053
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(1.447.842.504)	162.118.800
Chi phí tài chính khác	515.140.127	373.730.354
Cộng	19.216.030.341	19.569.197.647
7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	70.284.239.562	63.555.066.969
Chi phí vật liệu, bao bì	13.783.771.833	8.049.101.996
Chi phí thuê mặt bằng, nhà trọ	6.170.015.579	5.008.027.684
Chi phí vận chuyển, bốc xếp, kiểm định, kiểm nghiệm	8.531.037.652	8.737.928.834
Chi phí quảng cáo, tuyên truyền	944.607.352	5.516.142.190
Chi phí khấu hao TSCĐ	892.375.226	1.891.871.402
Chi phí khuyến mại	5.986.134.005	9.178.651.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.703.077.053	1.478.351.737
Chi phí bằng tiền khác	42.991.690.765	30.614.404.827
Cộng	153.286.949.027	134.029.547.264

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 36

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	15.726.383.342	8.433.623.572
Chi phí vật liệu, bao bì	1.701.780.214	1.354.446.140
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.325.514.107	561.747.840
Thuế, phí, lệ phí	369.263.563	403.498.765
Dự phòng phải thu khó đòi	2.639.291.937	3.153.622.981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.385.156.731	3.417.048.957
Chi phí bằng tiền khác	10.423.418.496	6.297.566.828
Lợi thế thương mại	413.923.694	-
Cộng	36.984.732.084	23.621.555.083
8. Thu nhập khác		
Thu nhập từ chiết khấu thương mại	2.983.089.445	58.232.600
Thu nhập từ bán phuy	5.331.636.367	4.014.100.870
Thu nhập cho thuê	1.734.809.507	1.493.551.768
Thanh lý tài sản cố định	484.444.647	6.165.502.137
Thu từ chương trình quay số may mắn	335.868.536	-
Thu tiền bồi thường đi đời Trạm Xăng Dầu số 01	394.871.000	-
Các khoản khác	616.785.548	519.685.672
Cộng	11.881.505.050	12.251.073.047
9. Chi phí khác		
Chi phí thanh lý hàng tồn kho	572.123.174	162.058.654
Phạt vi phạm hành chính	118.852.107	370.908.017
Các khoản khác	84.805.219	130.809.495
Cộng	775.780.500	663.776.166
10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.269.284.514.698	938.287.496.555
Chi phí nhân công	100.609.969.865	77.002.009.431
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.003.142.756	6.076.454.870
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.280.026.482	27.884.511.640
Chi phí khác bằng tiền	75.785.007.760	44.499.909.070
Cộng	1.482.962.661.561	1.093.750.381.566
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm	11.685.557.495	10.526.297.813
Chi phí thuế TNDN tại Công ty mẹ	8.905.079.391	8.753.721.030
Chi phí thuế TNDN tại Công ty con	2.780.478.104	1.772.576.783
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	-	2.211.331.329
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.685.557.495	12.737.629.142

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 37

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2017	Năm 2016
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.412.854.980	800.418.171
Chi phí thuế TNDN hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(656.444.456)	(1.308.916.980)
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(300.719.105)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	756.410.525	(809.217.914)
13. Lợi nhuận trước thuế	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	37.403.830.975	30.858.714.994
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	(6.546.300.048)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(6.546.300.048)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	37.403.830.975	24.312.414.946
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.530.000	10.530.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	3.552	2.309
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	3.552	2.309

(*): Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

(**): Theo Nghị quyết số 14/NQ-ĐHCD tại ngày 08 tháng 4 năm 2017 trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát, khen thưởng Ban điều hành của năm 2016 là 6.546.300.048 VND làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2016 từ 2931 VND giảm xuống 2309 VND.

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

14. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

14.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 38

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm 2017		
VND	200	(9.088.096.920)
	-200	9.088.096.920
Năm 2016		
VND	100	(2.491.132.268)
	-100	2.491.132.268

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất là không đáng kể

14.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định. Các khoản phải thu khó đòi đã được Công ty trích lập dự phòng.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 39

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

14.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngắn hạn ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	68.399.813.159	3.121.400.529	-	71.521.213.688
Phải trả người bán	453.411.705.816	-	-	453.411.705.816
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	18.389.270.648	-	-	18.389.270.648
	<u>540.200.789.623</u>	<u>3.121.400.529</u>	<u>-</u>	<u>543.322.190.152</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Các khoản vay và nợ	38.355.683.218	1.507.329.972	-	39.863.013.190
Phải trả người bán	300.656.634.563	-	-	300.656.634.563
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	17.737.091.982	-	-	17.737.091.982
	<u>356.749.409.764</u>	<u>1.507.329.972</u>	<u>-</u>	<u>358.256.739.736</u>

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần quyền sử dụng đất, tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.20 - Vay và nợ thuê tài chính).

15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: xem trang 47.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2017	Năm 2016
1. Số tiền đi vay thực thu trong năm		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	<u>365.417.487.618</u>	<u>231.757.912.324</u>
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	<u>(333.007.845.692)</u>	<u>(267.589.629.446)</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Giao dịch với các bên liên quan và thành viên chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan và thành viên chủ chốt trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức	9.370.530.000	-
		Bán hàng	2.943.571.908	702.084.276
		Mua hàng	9.450.000	(9.450.000)
Shopping Centre Kiến Tường	Bên liên doanh	Cổ tức đã thu	90.069.682	-
		Phải thu khác	-	90.069.682
		Phải trả khác	-	(1.639.740.085)
Cơ sở Sản xuất Nước Việt	Bên liên doanh	Bán hàng	31.323.744	-
		Phải trả khác	-	265.830.384
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Giám đốc	Vay ngắn hạn	-	(54.000.000)
+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc			Năm 2017	Năm 2016
Hội đồng quản trị		Thù lao và thưởng	273.000.000	1.034.560.278
Ban Giám đốc		Lương và thưởng	1.921.115.736	1.759.515.292
Cộng			<u>2.194.115.736</u>	<u>2.794.075.570</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- 4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận: xem trang 48.
- 5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Tp Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2018

GIẤM ĐỐC

 Nguyễn Quốc Dũng

Bùi Thị Diễm Phúc

Bùi Thị Ánh Tuyết

Nguyễn Quốc Dũng

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trung 42

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	1.837.670.000	474.361.200
Có phiếu CTCP Nông dược H.A.I (HAD)	-	-	1.837.670.000	474.361.200
Cộng	-	-	1.837.670.000	474.361.200

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Dự phòng	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	11.210.325.089	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Mộc Hòa	-	-	11.210.325.089	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	4.123.514.981	(187.717.290)	-	-
Shopping Centre Kiến Tường (1)	2.983.231.199	-	-	-
Cơ sở Sản xuất Nước Việt (2)	1.140.283.782	(187.717.290)	-	-
Cộng	4.123.514.981	(187.717.290)	11.210.325.089	-

(1) Theo hợp đồng liên doanh số 04.2015/HDLĐ ngày 15/10/2015 giữa Công ty với Hộ kinh doanh Shopping Centre Kiến Tường có hiệu lực từ 13/7/2015 đến 31/12/2020, Công ty đã đầu tư số tiền 1.140.283.782 đồng mục đích kinh doanh sản xuất nước đá, phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ góp vốn kinh doanh (Công ty cam kết góp 80% tương đương 3.000.000.000 đồng trong 3.750.000.000 tổng vốn kinh doanh).

(2) Theo hợp đồng liên doanh số 06.2015/HDLĐ ngày 15/10/2015 giữa Công ty với Cơ sở sản xuất nước Việt có hiệu lực từ 10/8/2015 đến 31/12/2020, Công ty đã đầu tư số tiền 1.140.283.782 đồng mục đích kinh doanh sản xuất nước đá, phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ góp vốn kinh doanh (Công ty cam kết góp 80% tương đương 1.700.283.782 đồng trong 2.125.354.727 tổng vốn kinh doanh).

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trung 43

V.7. Nợ khó đòi	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	46.600.532.200	19.133.431.375	52.655.975.932	4.885.057.025
+ Công ty TNHH Mosanto Thailand	-	-	22.813.197.000	-
+ Công ty TNHH Giống cây trồng Hải Anh - Phú Thọ	5.336.218.777	-	5.661.724.018	-
+ Đại lý MENG HONG	332.080.120	-	-	-
+ Đại lý SOK NAY	-	-	65.384.082	65.384.082
+ Đối tượng khác	40.932.233.302	19.133.431.375	24.115.670.831	4.819.672.943

- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

+ Công ty TNHH Mosanto Thailand

+ Công ty TNHH Giống cây trồng Hải Anh - Phú Thọ

+ Đại lý MENG HONG

+ Đại lý SOK NAY

+ Đối tượng khác

Khoản phải thu quá hạn 3 năm

Khoản phải thu quá hạn 3 năm

Khoản phải thu quá hạn 3 năm

Khoản phải thu quá hạn từ 1 năm < 3 năm

Khoản phải thu quá hạn từ 1 năm < 3 năm

Khoản phải thu quá hạn từ 1 năm < 3 năm

Khoản phải thu quá hạn từ 1 năm < 3 năm

Khoản phải thu quá hạn trên 06 tháng và quá hạn 3 năm

Khoản phải thu quá hạn trên 06 tháng và quá hạn 3 năm

Khoản phải thu quá hạn trên 06 tháng và quá hạn 3 năm

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất



V.10. Tài sản cố định hữu hình	Tài sản cố định			
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý
				Tài sản cố định hữu hình khác
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	45.098.048.686	38.329.343.287	29.580.105.794	2.884.944.028
Mua trong năm	-	3.699.136.168	930.038.273	54.515.160
Tặng khác	4.977.314.130	464.452.501	6.060.058.471	127.993.182
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.538.276.538)	(4.152.097.904)	-
Chênh lệch do chuyển đổi BCTC	-	14.430.683	15.649.155	-
Giảm khác	-	-	(282.634.319)	-
Số dư cuối năm	50.075.362.816	37.969.086.101	32.151.119.470	3.067.452.370
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	36.874.582.305	34.436.433.661	25.479.151.407	2.884.944.028
Khấu hao trong năm	1.872.246.422	1.892.560.745	1.563.345.105	24.688.766
Tặng khác	1.594.841.889	80.786.847	2.736.922.954	28.777.766
Chuyển sang BDS	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.538.276.538)	(4.152.097.904)	-
Giảm khác	-	-	(282.634.319)	-
Chênh lệch do chuyển đổi BCTC	-	14.265.928	17.686.081	-
Số dư cuối năm	40.341.670.616	31.885.770.643	25.362.373.324	2.938.410.560
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	8.223.466.381	3.892.909.626	4.100.954.387	-
Số dư cuối năm	9.733.692.200	6.083.315.458	6.788.746.146	129.041.810

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất



Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

V.24. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	105.300.000.000	782.715.818	7.509.500.175	15.883.435.602	38.645.406.349	168.121.057.944
- Lãi trong năm	-	-	-	-	30.858.714.994	30.858.714.994
- Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	(15.795.000.000)	(15.795.000.000)
- Thù lao HĐQT & BKS	-	-	-	-	(150.000.000)	(150.000.000)
- Tiền khen thưởng ban điều hành công ty năm 2015	-	-	-	-	(280.000.000)	(280.000.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	5.575.199.216	(5.575.199.216)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.575.199.216)	(5.575.199.216)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	862.519.600	-	-	862.519.600
- Tăng khác	-	-	-	-	15.253.250	15.253.250
- Giảm khác	-	-	-	-	(133.250)	(133.250)
Số dư cuối năm trước	105.300.000.000	782.715.818	8.372.019.776	21.458.634.818	42.143.842.910	178.057.213.322
Số dư đầu năm	105.300.000.000	782.715.818	8.372.019.776	21.458.634.818	42.143.842.910	178.057.213.322
- Lãi trong năm	-	-	-	-	38.201.098.773	38.201.098.773
- Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	(17.014.568.400)	(17.014.568.400)
- Thù lao HĐQT & BKS	-	-	-	-	(166.765.875)	(166.765.875)
- Tạm chi thù lao HĐQT & BKS năm 2017	-	-	-	-	(81.000.000)	(81.000.000)
- Tiền khen thưởng ban điều hành công ty năm 2016	-	-	-	-	(306.000.000)	(306.000.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(6.433.514.543)	(6.433.514.543)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	6.433.514.543	(6.319.109.712)	-
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	83.512.687	-	-	83.512.687
- Truy thu, phạt chậm nộp thuế GTGT và TNDN từ năm 2008 đến năm 2013	-	-	-	-	(1.254.871.177)	(1.254.871.177)
- Tăng khác	-	1.307.000.000	-	7.608.265.644	2.877.782.803	11.793.048.447
- Giảm khác	-	(500.118.112)	-	(3.042.600.792)	(4.201.632.179)	(7.744.351.083)
Số dư cuối năm	105.300.000.000	1.589.597.706	8.455.532.463	32.457.814.213	47.445.262.600	195.248.206.982

Trang 46

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2017	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2016
Tài sản tài chính				
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	1.837.670.000	(1.363.308.800)
- Phải thu khách hàng	199.352.986.389	(25.064.407.900)	256.543.917.236	(22.684.739.900)
- Phải thu khác	5.757.228.834	(2.364.748.198)	25.683.273.771	(25.081.963.613)
- Tiền và các khoản tương đương tiền	70.528.073.514	-	91.406.420.924	-
- Tài sản tài chính khác	4.800.125.284	(37.944.727)	3.038.633.572	(4.215.393)
TỔNG CỘNG	280.438.414.021	(27.467.100.825)	378.509.915.503	(49.134.227.706)
Nợ phải trả tài chính				
- Vay và nợ	71.521.213.688	-	39.863.013.190	-
- Phải trả người bán	453.411.705.816	-	300.656.634.563	-
- Phải trả khác	14.908.427.185	-	15.860.469.218	-
- Chi phí phải trả	3.480.843.463	-	1.876.622.765	-
TỔNG CỘNG	543.322.190.152	-	358.256.739.736	-

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 47



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2018

Người đại diện theo pháp luật

Giám đốc

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Dũng

THANK YOU!